

Số Tháng 4/2024

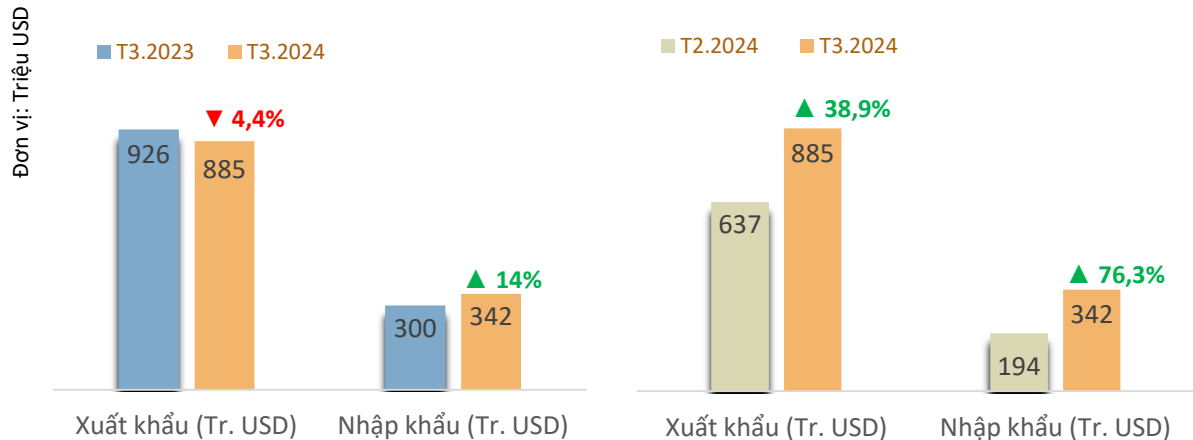


**BÁO CÁO TÌNH HÌNH
XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM
THỦY SẢN
THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC**

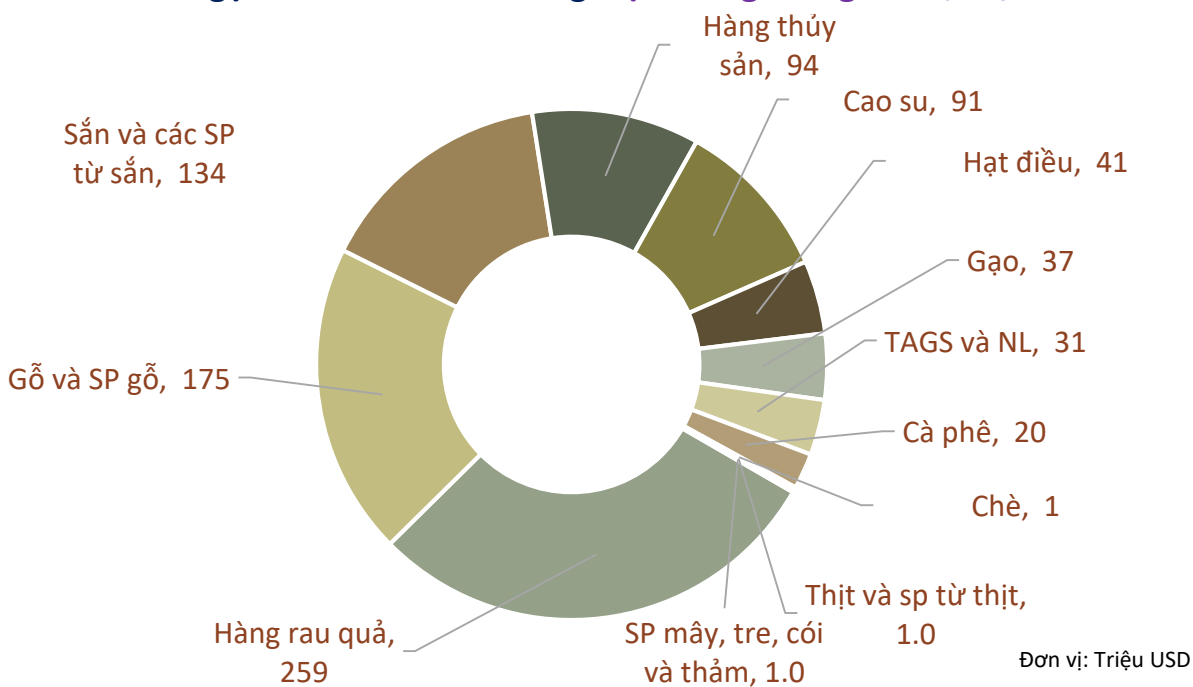


TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THÁNG 3/2024

Kim ngạch xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – Trung Quốc, T3/2024

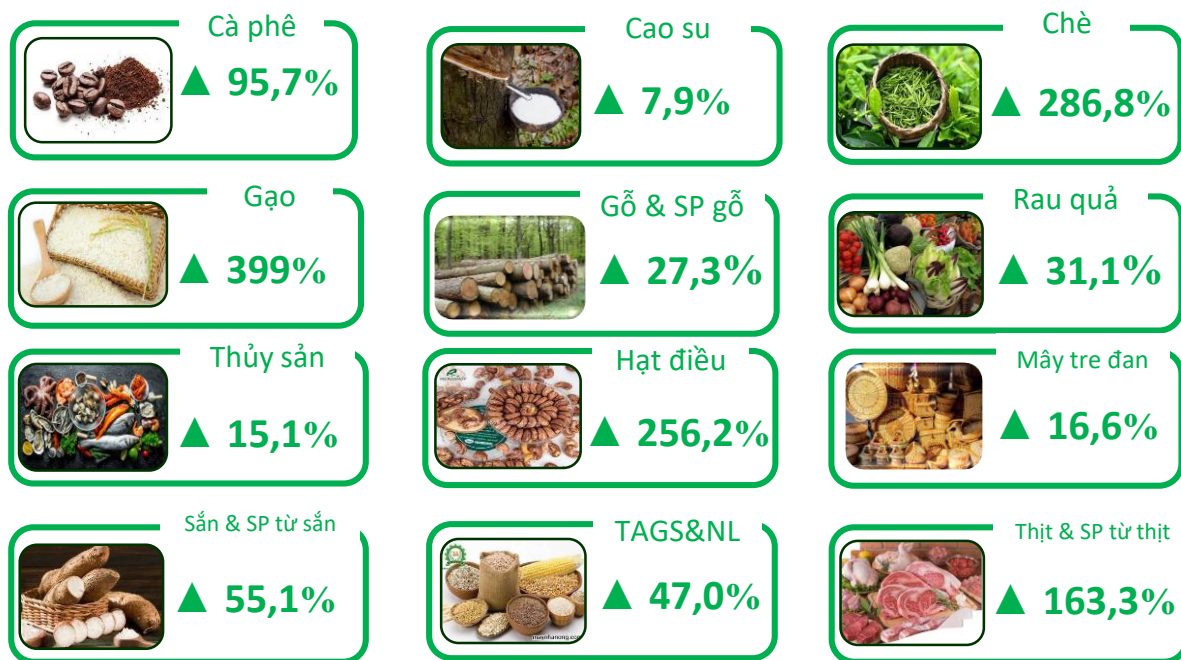


Kim ngạch XK NLTS chính sang thị trường Trung Quốc, T3/2024

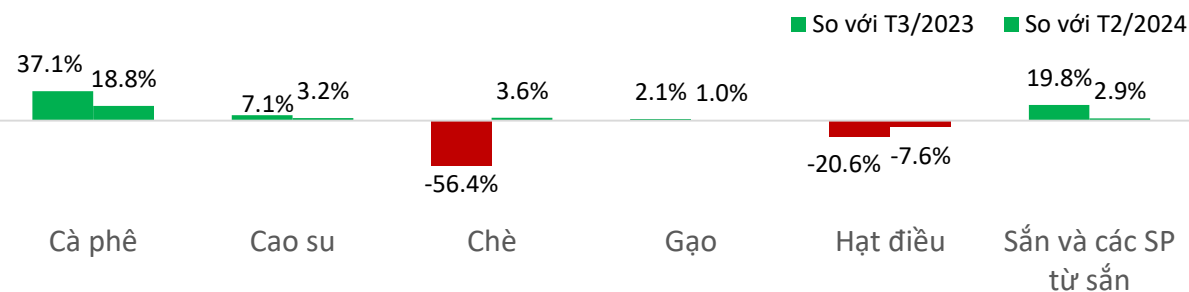


Biến động giá trị XK NLTS chính

sang thị trường Trung Quốc T3/2024 so với T2/2024



Biến động giá XK bình quân của một số sản phẩm NLTS chính sang thị trường Trung Quốc, T3/2024 so với T3/2023 và T2/2024



Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng 5,3% trong Quý I/2024

Theo Cục Thống kê nhà nước Trung Quốc, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trong Quý I/2024 đạt 29.629,9 tỷ CNY (khoảng 4.090 tỷ USD) tăng 5,3% so mức cùng kỳ năm ngoái và tăng 1,6% so quý IV năm ngoái.

Theo đó, trong quý I/2024, các ngành

nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ lần lượt tăng 3,8%, 6,1% và 5% so mức cùng kỳ năm ngoái. Thị trường tiêu dùng tăng trưởng ổn định với tổng mức bán lẻ hàng hóa tiêu dùng đạt 12.032,7 tỷ CNY (khoảng 1.660 tỷ USD), tăng 4,7% so mức cùng kỳ năm ngoái.

Xuất nhập khẩu hàng hóa tăng trưởng ổn định, cơ cấu thương mại tiếp tục được cải thiện. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 10.169,3 tỷ

CNY (khoảng 1.404 tỷ USD), tăng 5% so mức cùng kỳ năm ngoái, trong đó xuất khẩu đạt 5.737,8 tỷ CNY (khoảng 791,8 tỷ USD), tăng 4,9%, nhập khẩu đạt 4.431,5 tỷ CNY (khoảng 612 tỷ USD), tăng 5%, thặng dư thương mại đạt 1.306,3 tỷ CNY (khoảng 180,3 tỷ USD).

Nguồn: Nhandan.vn

Các khoản cho vay xanh của Trung Quốc tăng kỷ lục trong Quý I/2024

Theo Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC), các khoản cho vay xanh của Trung Quốc đã ghi nhận mức tăng 3,7 nghìn tỷ CNY (khoảng 520,66 tỷ USD) trong quý đầu tiên của năm 2024, đạt mức cao nhất từ trước đến nay.

Các khoản vay xanh chủ yếu cho các dự án giảm phát thải carbon trực tiếp (11,21 nghìn tỷ CNY) hoặc gián tiếp (11,34 nghìn tỷ CNY). nghìn tỷ CNY (khoảng hơn 2.

Dư nợ cho vay xanh để nâng cấp cơ sở hạ tầng xanh đạt 14,57 000 tỷ USD), tăng 31,4% so với cùng kỳ năm trước,

trong khi các khoản vay năng lượng sạch ở mức 8,72 nghìn tỷ CNY (khoảng 1.200 tỷ USD), tăng 39,4%.



Nguồn: China.org.cn

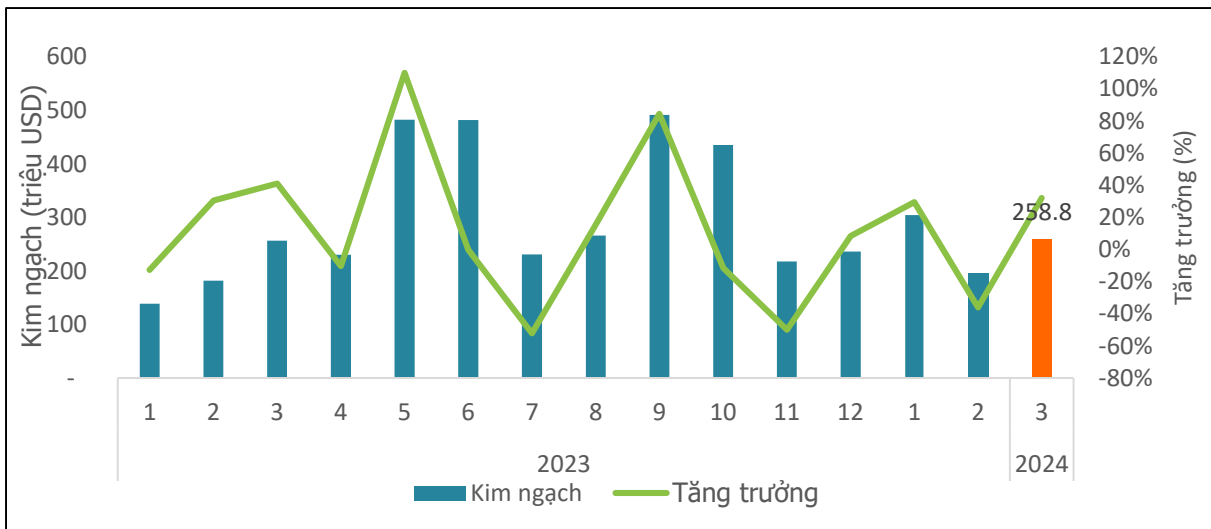


Tin liên quan



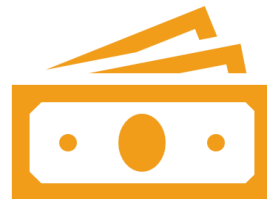
RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang Trung Quốc, T3/2024



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T3/2024

KIM NGẠCH



258,8

triệu USD

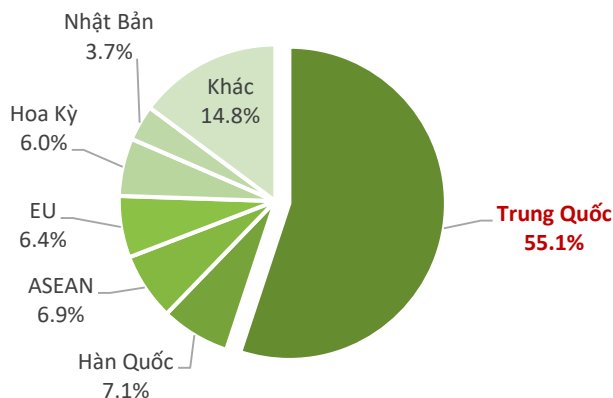
Tăng **32,2%** so với T2/2024

Tăng **7,9%** so với T3/2023

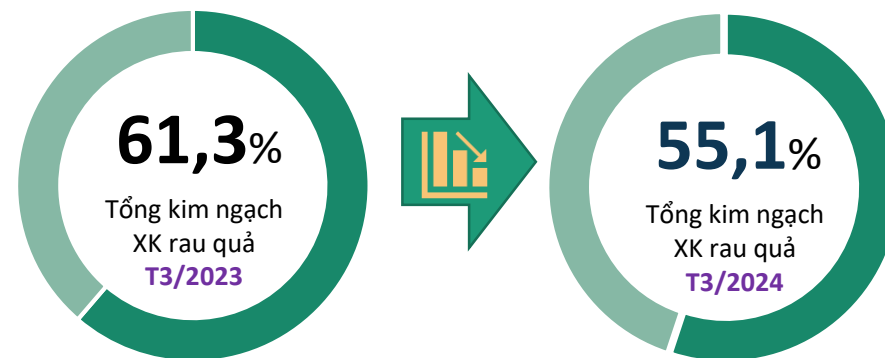
Thấp hơn **44,4 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

Lũy kế 3 tháng đầu năm 2024 đạt **759,4 triệu USD**, đạt **20,9%** kim ngạch 2023

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam XK sang Trung Quốc, T3/2024



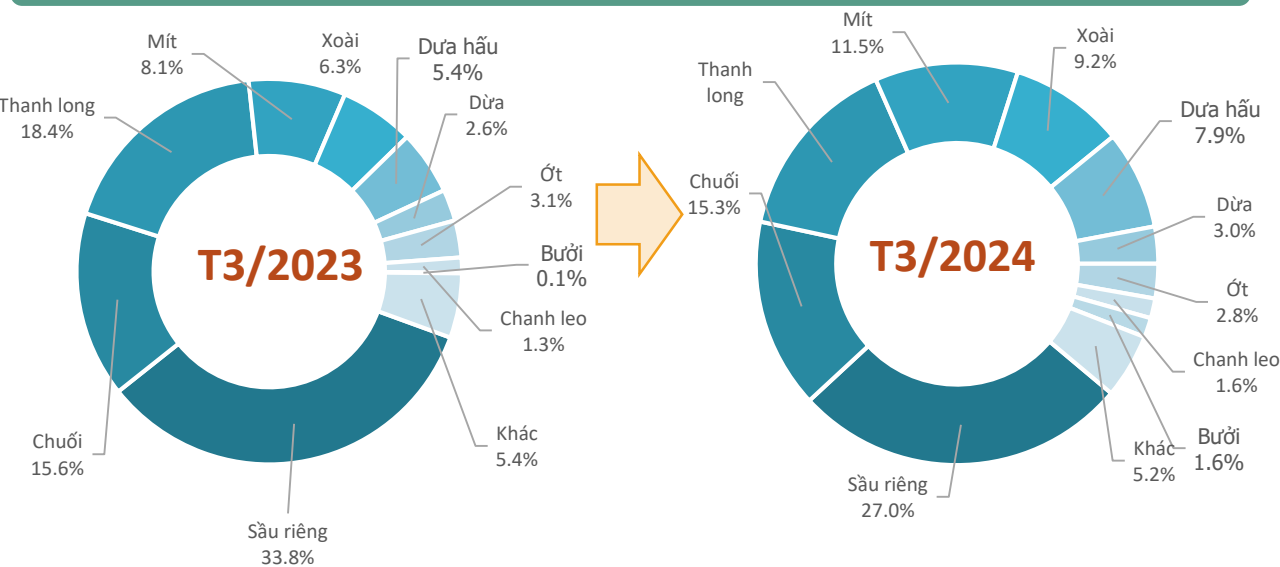
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN sang Trung Quốc, T3/2024





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả XK sang Trung Quốc, T3/2024



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T3/2024



Sầu riêng

Kim ngạch: **69,9** triệu USD
 Tăng **37,2%** so với T2/2024
 Giảm **19,2%** so với T3/2023



Chuối

Kim ngạch: **39,5** triệu USD
 Tăng **18,9%** so với T2/2024
 Giảm **1,1%** so với T3/2023



Thanh long

Kim ngạch: **38,9** triệu USD
 Tăng **2,6%** so với T2/2024
 Giảm **17,5%** so với T3/2023



Mít

Kim ngạch: **29,8** triệu USD
 Tăng **33,9%** so với T2/2024
 Tăng **42,8%** so với T3/2023



Xoài

Kim ngạch: **23,9** triệu USD
 Tăng **76,8%** so với T2/2024
 Tăng **48,8%** so với T3/2023



Dứa hấu

Kim ngạch: **20,5** triệu USD
 Tăng **16,1%** so với T2/2024
 Tăng **48,3%** so với T3/2023



Dừa

Kim ngạch: **7,7** triệu USD
 Tăng **63,9%** so với T2/2024
 Tăng **13,7%** so với T3/2023



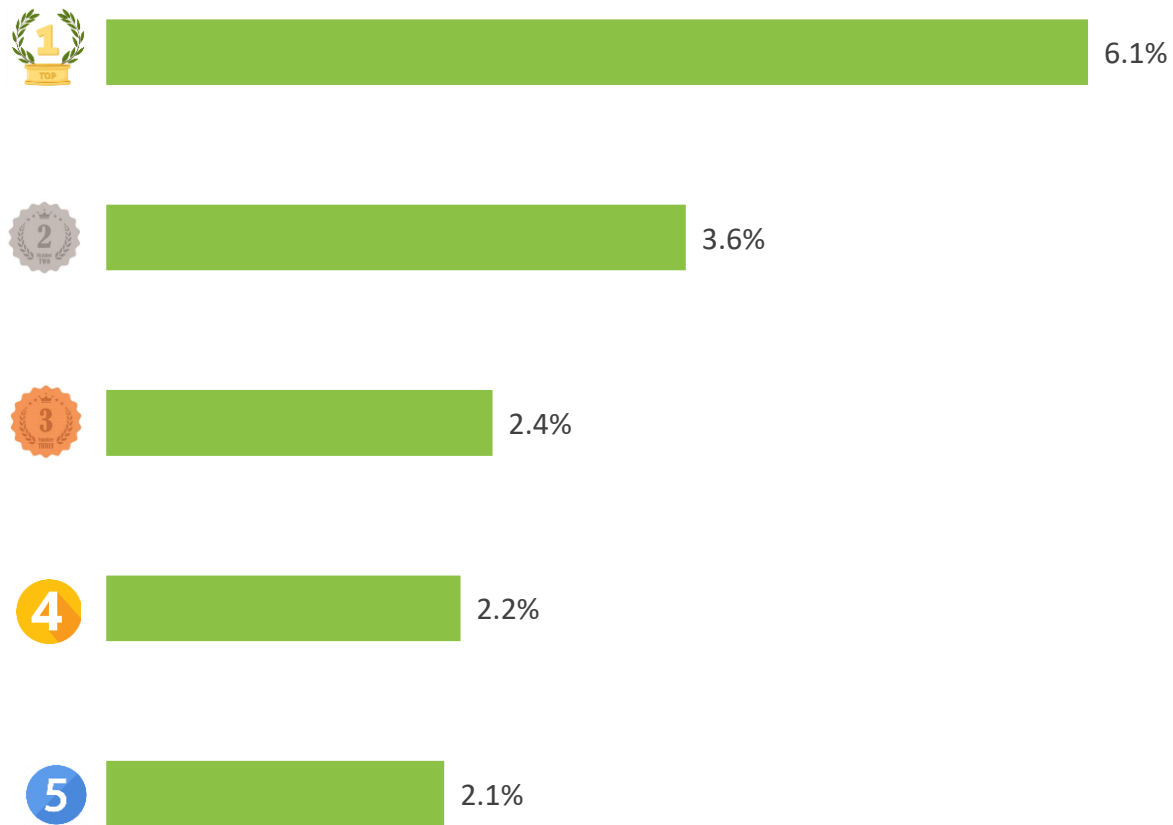
Ớt

Kim ngạch: **3,0** triệu USD
 Tăng **136,2%** so với T2/2024
 Giảm **9,8%** so với T3/2023

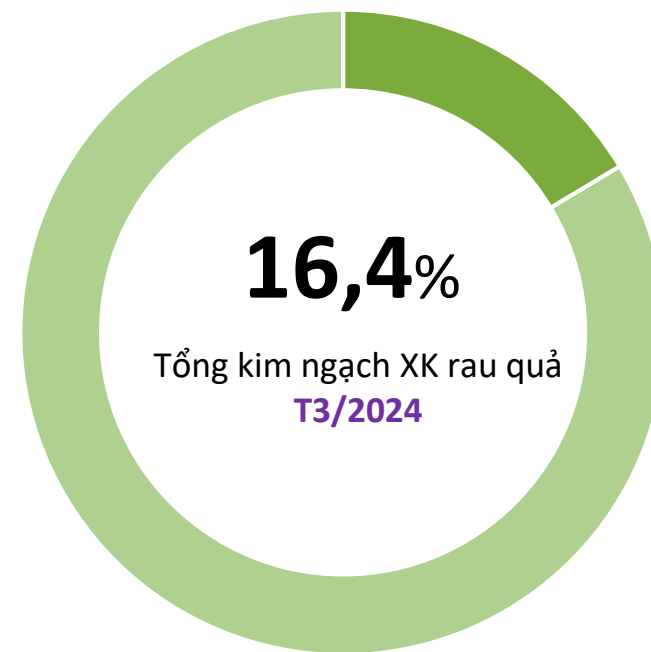


RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu
sang Trung Quốc, T3/2024



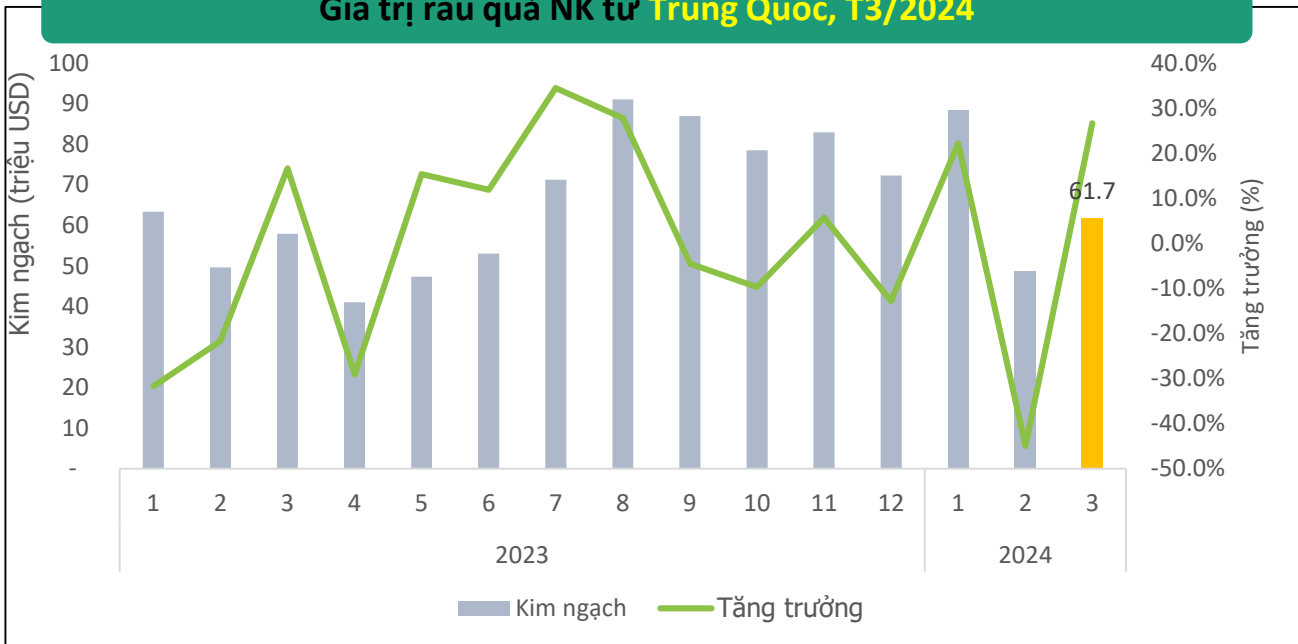
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu
sang Trung Quốc, T3/2024





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T3/2024



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T3/2024

KIM NGẠCH



61,7

triệu USD

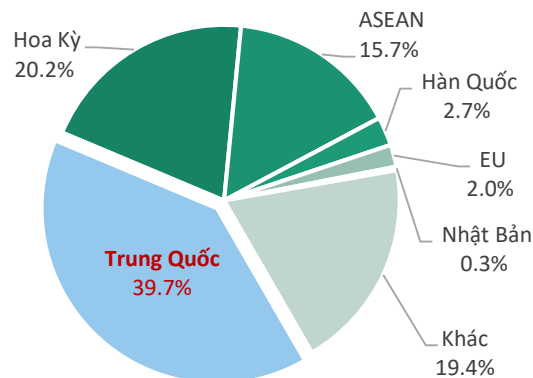
Tăng **26,7%** so với T2/2024

Tăng **6,6%** so với T3/2023

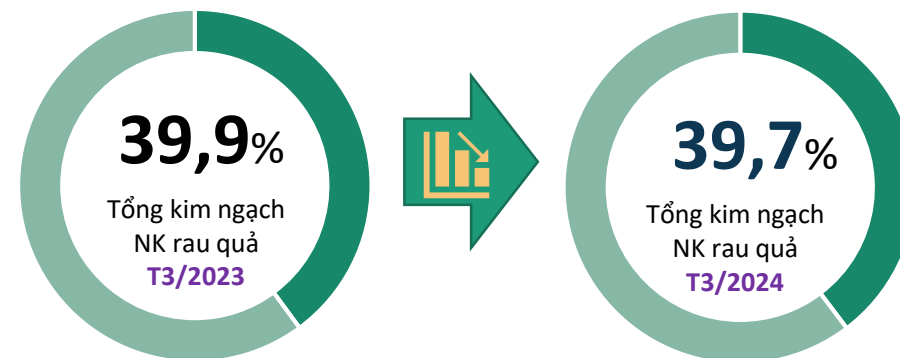
Thấp hơn **4,5 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

Lũy kế 3 tháng đầu năm 2024 đạt **199,0** triệu USD, đạt **25,0%** kim ngạch 2023

Tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T3/2024



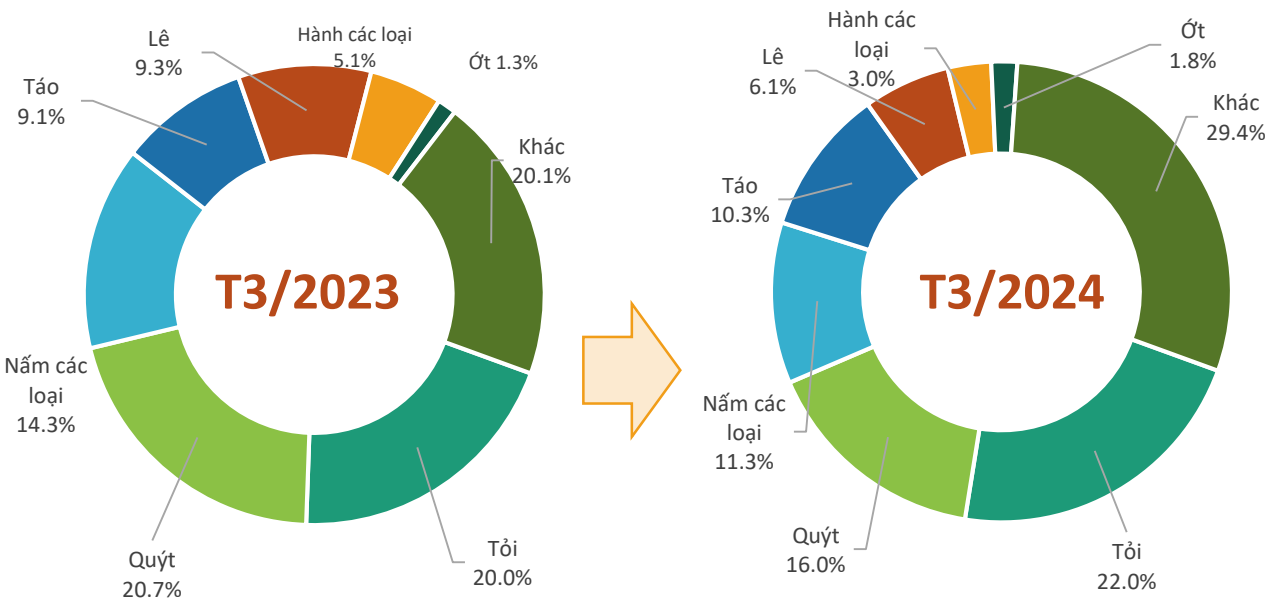
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T3/2024





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ Trung Quốc, T3/2024



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T3/2024



Tỏi

Kim ngạch: **13,6** triệu USD
 Tăng **97,5%** so với T2/2024
 Tăng **17,2%** so với T3/2023



Quýt

Kim ngạch: **9,9** triệu USD
 Giảm **10,1%** so với T2/2024
 Giảm **17,4%** so với T3/2023



Nấm các loại

Kim ngạch: **6,98** triệu USD
 Tăng **23,1%** so với T2/2024
 Giảm **15,6%** so với T3/2023



Táo

Kim ngạch: **6,3** triệu USD
 Tăng **71,4%** so với T2/2024
 Tăng **20,2%** so với T3/2023



Lê

Kim ngạch: **3,8** triệu USD
 Tăng **28,3%** so với T2/2024
 Giảm **30,3%** so với T3/2023



Hành

Kim ngạch: **1,9** triệu USD
 Tăng **33,4%** so với T2/2024
 Giảm **36,5%** so với T3/2023



Ớt

Kim ngạch: **1,1** triệu USD
 Tăng **91,9%** so với T2/2024
 Tăng **46,1%** so với T3/2023

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ TRUNG QUỐC



Tin liên quan

Ngày 1/4, Tổng cục Hải quan Trung Quốc đã ban hành thông báo về việc cho phép nhập khẩu dưa tươi từ Sri Lanka với các sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về kiểm dịch thực vật. Sri Lanka phải tiến hành kiểm tra lấy mẫu với tỷ lệ 2% mỗi lô dưa đối với mỗi lô dưa xuất khẩu sang Trung Quốc. Nếu không có vấn đề kiểm dịch thực vật nào xảy ra trong vòng hai năm, tỷ lệ kiểm tra lấy mẫu có thể giảm xuống 1%.

Ngày 24/3, 6.000 cây giống táo xanh thuộc 11 giống táo chất lượng cao của tỉnh Thiểm Tây đã được xuất khẩu sang Uzbekistan. Phía Trung Quốc sẽ cử các chuyên gia đến Uzbekistan để hướng dẫn toàn bộ quy trình trồng trọt và cung cấp dịch vụ quản lý kỹ thuật dài hạn.

Giá trị xuất khẩu trái cây và các loại hạt từ Trung Quốc sang Kyrgyzstan trong Quý I/2024 đạt 118,3 triệu USD, gấp 1,6 lần so với cùng kỳ 2023. Các loại xuất khẩu nhiều nhất là: cam quýt, quả óc chó, lê, nho, táo, chuối, chanh, dưa, ...

Giá trị xuất khẩu rau củ sang thị trường này đạt 24,1 triệu USD, tăng 3,5 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, cà chua đạt 5,9 triệu USD; ớt đạt 5,6 triệu USD, dưa chuột đạt 3,7 triệu USD, tỏi đạt 3,1 triệu USD, v.v.



Tin liên quan

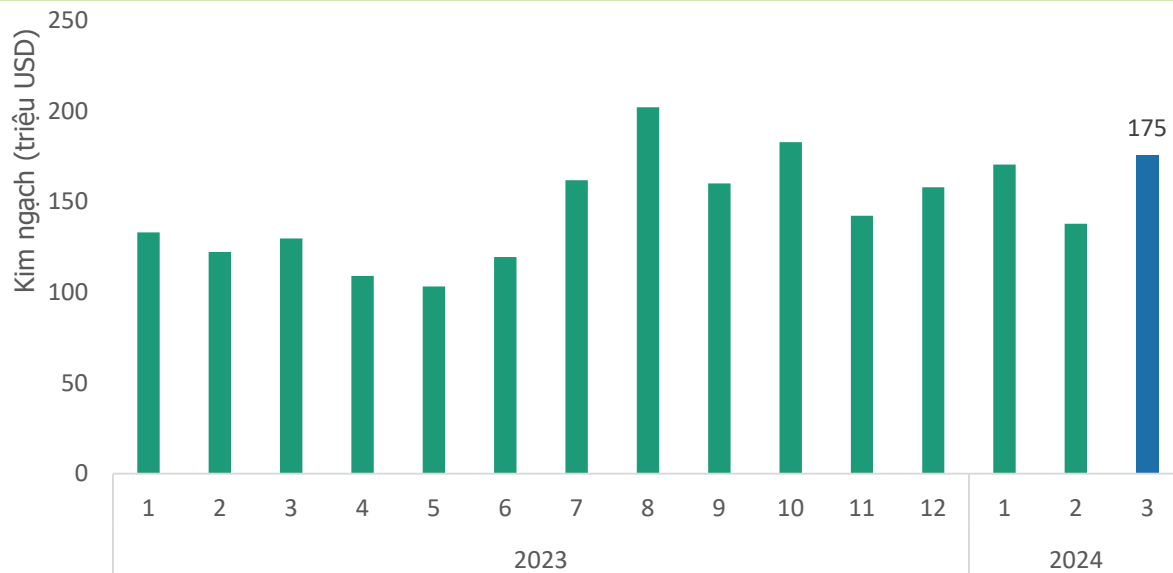
Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT, kim ngạch xuất khẩu rau quả trong tháng 4/2024 ước đạt 520 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 4 tháng đầu năm đạt 1,8 tỷ USD, tăng 32,1% so với cùng kỳ 2023. Theo Hiệp hội Rau quả Việt Nam, sầu riêng đóng góp lớn vào việc tăng xuất khẩu rau quả. Năm 2023, sản lượng sầu riêng trái vụ có nhưng chưa nhiều. Năm 2024, nông dân ở ĐBSCL đã có kinh nghiệm hơn trong sản xuất, nhờ đó, sản lượng sầu riêng trái vụ tăng 30-40%.

Quý I/2024 rơi vào kỳ nghỉ Tết Nguyên đán nên nhu cầu sử dụng rau quả của Trung Quốc tăng đột biến. Hơn nữa, cuộc khủng hoảng hàng hải trên Biển Đỏ làm hàng nhập khẩu từ các nước Nam Mỹ, Trung Đông, Châu Âu phải đi vòng qua Nam Châu Phi, khiến chi phí vận chuyển tăng cao, thời tăng thêm 15-20 ngày, hàng không về kịp để bán trong dịp Tết nên Trung Quốc tăng mua rau quả của các nước Đông Nam Á, trong đó, có Việt Nam.



GỖ VÀ SP GỖ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T03/2024



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T03/2024

KIM NGẠCH



175

triệu USD

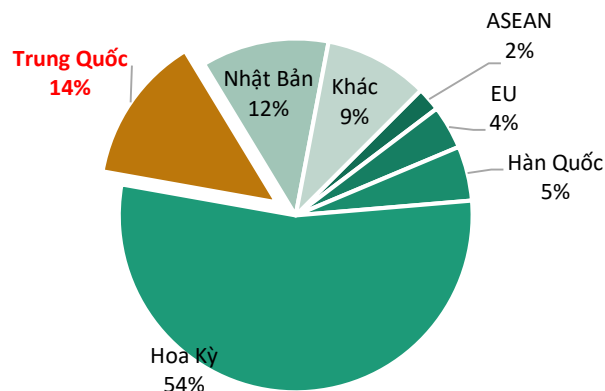
↗ Tăng **27,3%** so với T02/2024

↗ Tăng **35,3%** so với T03/2023

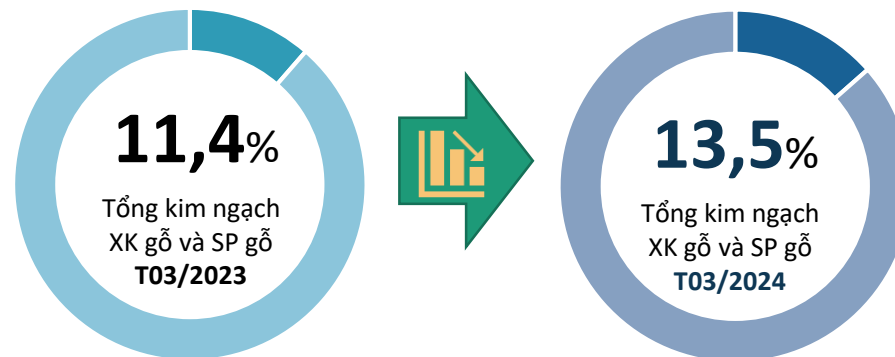
↑ Cao hơn hơn **32 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

Lũy kế 3 tháng đạt **483,8** triệu USD, đạt **28,1%** kim ngạch 2023

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T03/2024



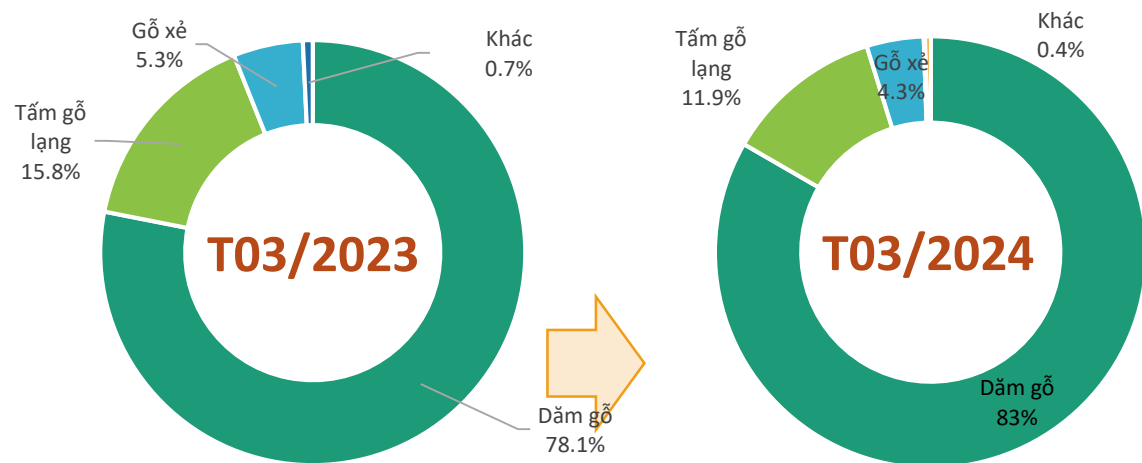
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T03/2024





GỖ VÀ SP GỖ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Trung Quốc, T03/2024



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T03/2024



Dăm gỗ

Kim ngạch: **144,4** Triệu USD
 Tăng **15%** so với T02/2024
 Tăng **50%** so với T03/2023



Tấm gỗ lạng

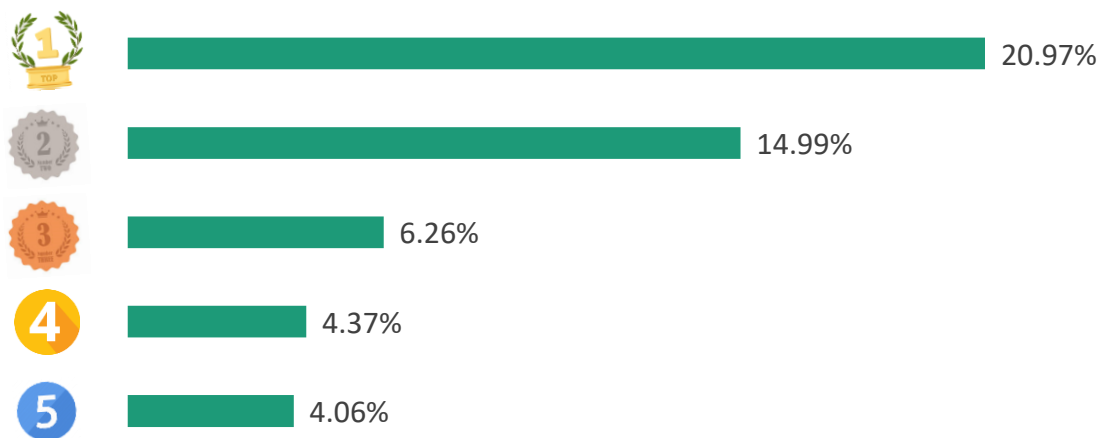
Kim ngạch: **20,5** Triệu USD
 Tăng **205%** so với T02/2024
 Tăng **6%** so với T03/2023



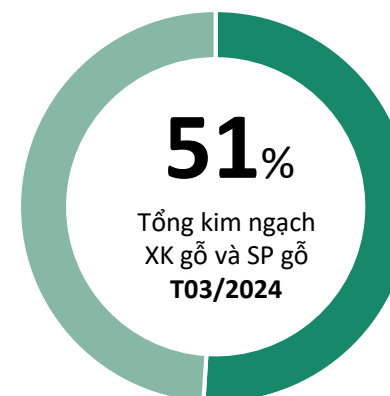
Gỗ xẻ

Kim ngạch: **7,4** Triệu USD
 Tăng **153%** so với T02/2024
 Tăng **13%** so với T03/2023

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T03/2024



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK thị trường Trung Quốc, T03/2024





GỖ VÀ SP GỖ



Tin liên quan

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ TRUNG QUỐC

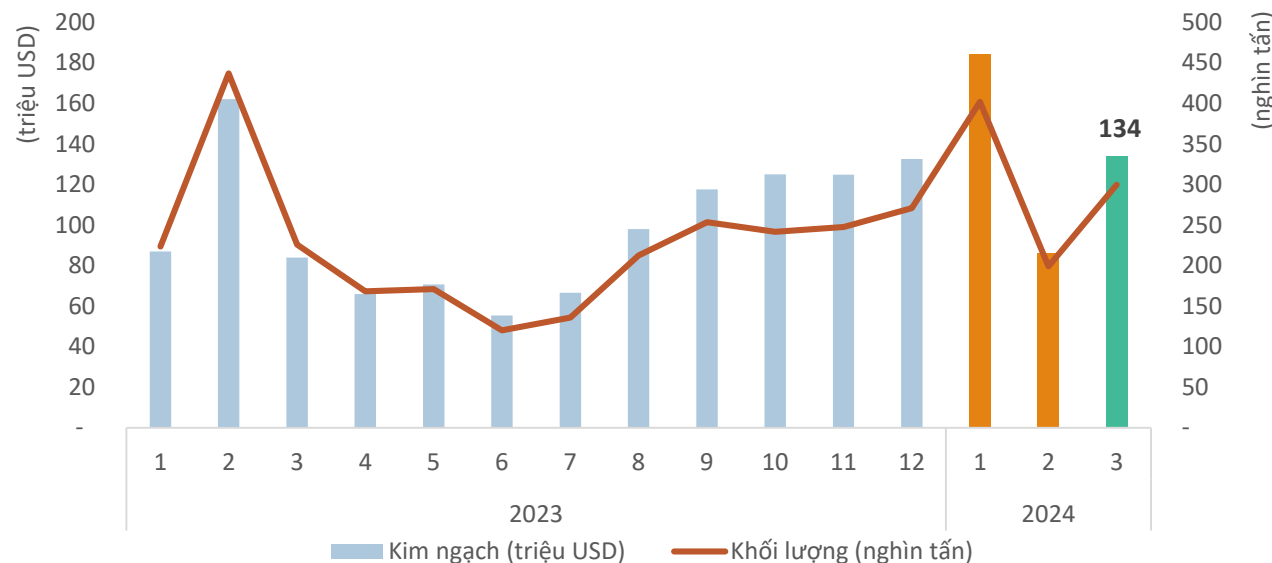
Nhập khẩu dăm gỗ của Trung Quốc năm 2023 ước đạt 14,63 triệu tấn với giá trị 2,948 tỷ USD, giảm 21% về khối lượng và 27% về giá trị so với năm trước. Nhập khẩu từ các thị trường chính đều giảm, ngoại trừ Indonesia. Việt Nam là thị trường cung cấp dăm gỗ chính cho Trung Quốc trong năm 2023 với 9,17 triệu tấn, giảm 13% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 63% tổng lượng nhập khẩu dăm gỗ của Trung Quốc.

Xuất khẩu dăm gỗ của Trung Quốc năm 2023 ước đạt 32.130 tấn với giá trị 12,91 triệu USD, tăng mạnh 42% về khối lượng nhưng giảm 28% về giá trị so với năm 2022. Hà Lan và Đức là 2 thị trường nhập khẩu dăm gỗ lớn nhất của Trung Quốc, chiếm lần lượt 15% và 10% tổng lượng xuất khẩu dăm gỗ của Trung Quốc.



SẢN VÀ SP TỪ SẢN

Khối lượng và giá trị sản và SP từ sản XK sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T3/2024

KIM NGẠCH

133,6 triệu USD

↗ Tăng **55,1%** so với T02/2024

↗ Giảm **59%** so với T3/2023

↗ Cao hơn **34 triệu USD** so với bình quân năm 2023

❖ Lũy kế 03 tháng đầu năm 2024 đạt **403,7 tr.USD**, đạt **34%** kim ngạch năm 2023

KHỐI LƯỢNG

299,6 nghìn tấn

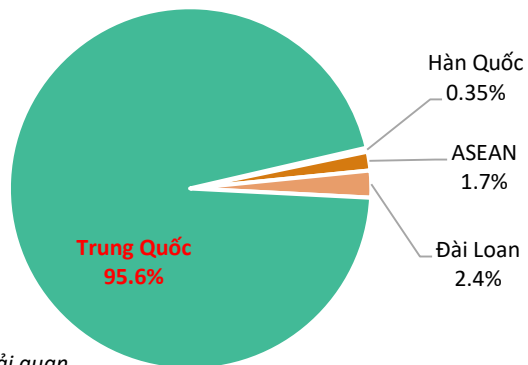
↗ Tăng **50,7%** so với T02/2024

↗ Tăng **32,8%** so với T3/2023

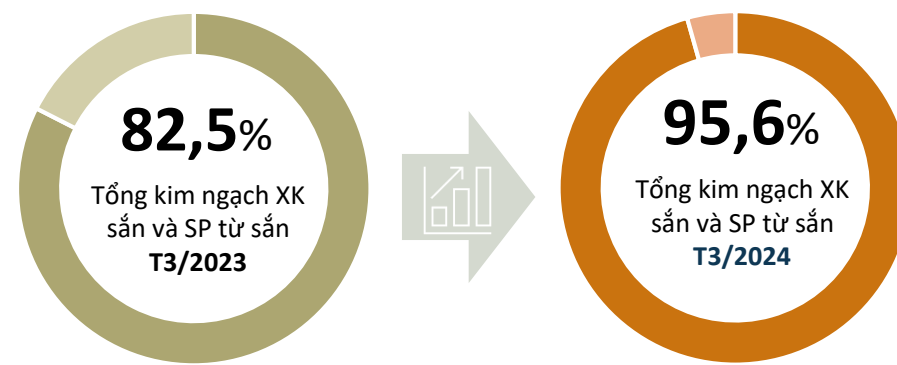
↗ Cao hơn **74 nghìn tấn** so với bình quân năm 2023

❖ Lũy kế 03 tháng đầu năm 2024 đạt **900 ng.tấn**, đạt **33%** khối lượng năm 2023

Tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



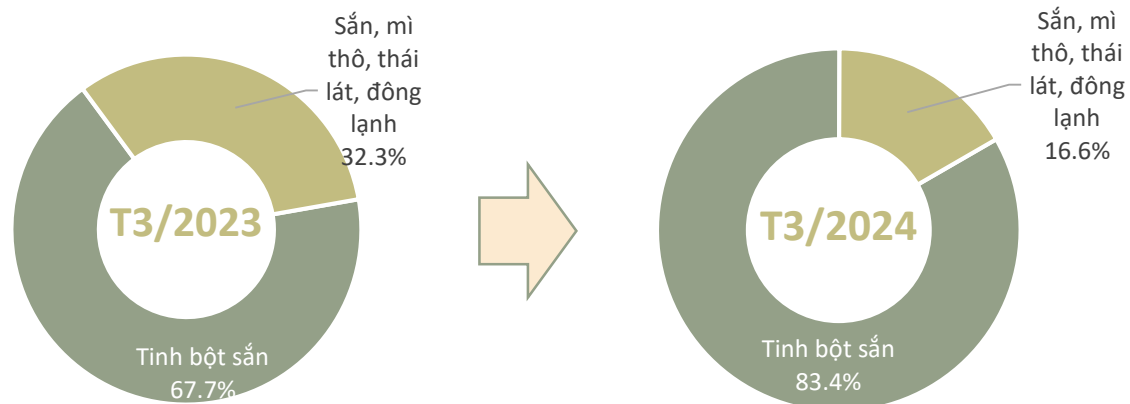
Biến động tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T3/2024





SẢN VÀ SP TỪ SẢN

Cơ cấu chủng loại sản và SP từ sản XK sang thị trường Trung Quốc T3/2024



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc T3/2024



Sắn thô, thái lát, đông lạnh

Kim ngạch: **22,2** triệu USD

Tăng **37%** so với T02/2024

Giảm **18,7%** so với T3/2023



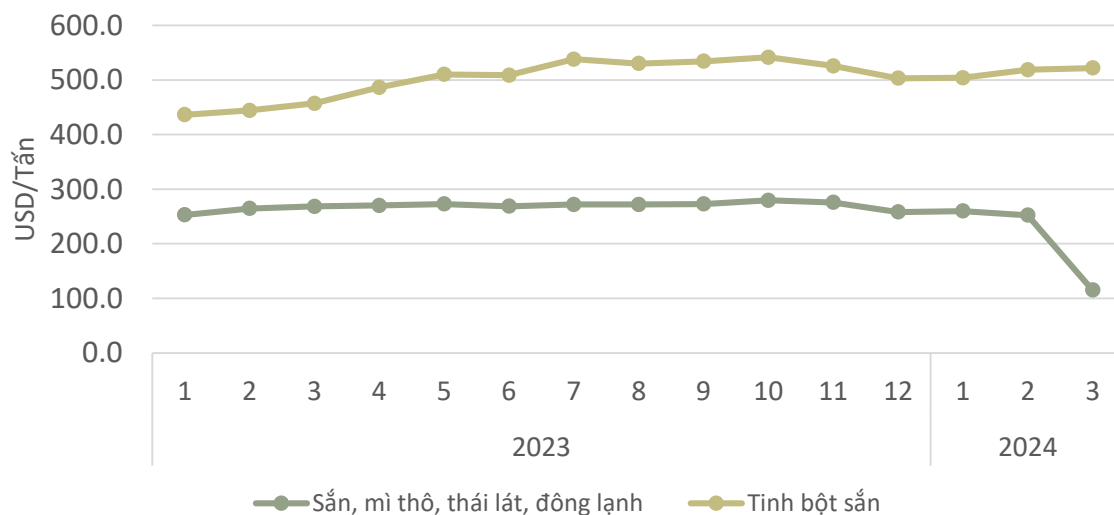
Tinh bột sắn

Kim ngạch: **111,4** triệu USD

Tăng **59,2%** so với T02/2024

Tăng **95,2%** so với T3/2023

Giá sản và SP từ sản XK bình quân sang thị trường Trung Quốc T3/2024



Tinh bột sắn

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2024 ở mức **522 USD/tấn**; **tăng 0,6%** so với tháng trước; và **tăng 14,2%** so với cùng kỳ năm 2023.

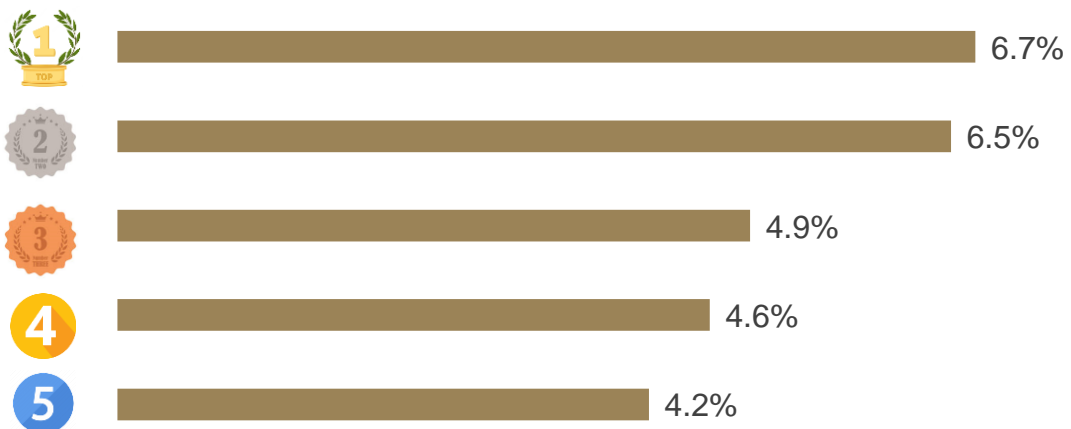
Sắn thô, thái lát, đông lạnh

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2024 ở mức **115USD/tấn**; **giảm 54,4%** so với tháng trước; và **giảm 57,1%** so với cùng kỳ năm 2023.

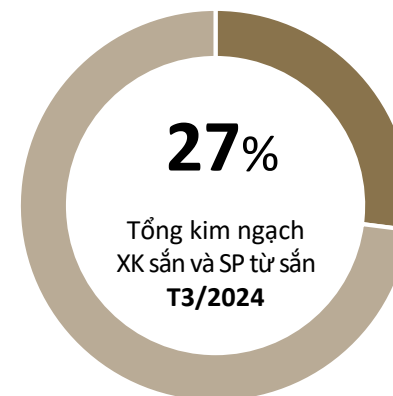


SẴN VÀ SP TỪ SẴN

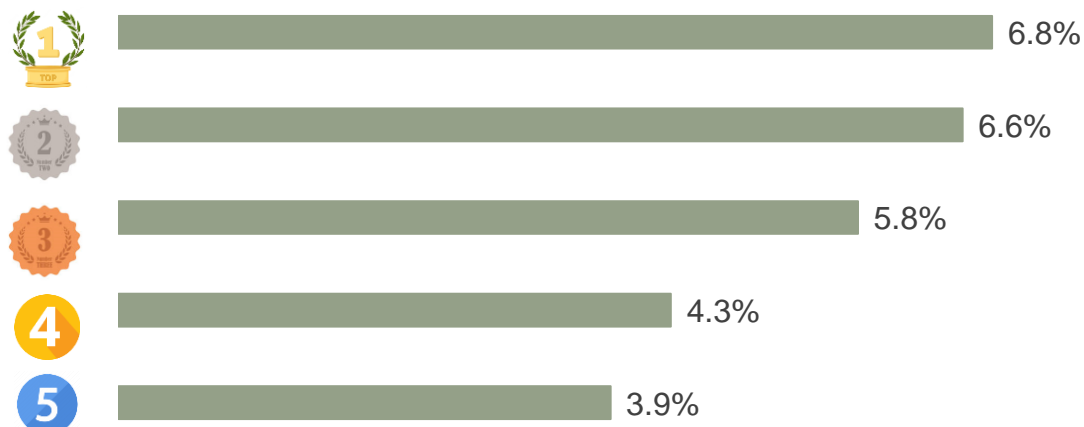
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



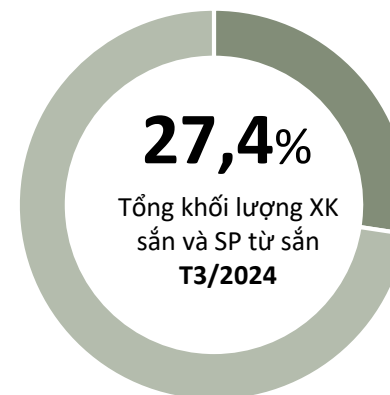
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



TOP 5 DN về khối lượng XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



SẢN VÀ SP TỪ SẢN

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG SẢN VÀ SP TỪ SẢN TRUNG QUỐC



Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong tháng 3/2024, khối lượng và giá trị nhập khẩu sản lát khô của Trung Quốc lần lượt là 360,3 nghìn tấn và 93,3 triệu USD, giảm lần lượt là 72,36% và 74,21% so với cùng kỳ năm ngoái.

Quý I/2024, khối lượng và giá trị nhập khẩu sản lát khô của Trung Quốc lần lượt là 732,2 nghìn tấn và 193 triệu USD, giảm lần lượt là 70,79% và 71,86% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, lượng sản lát khô nhập khẩu từ Thái Lan chiếm 76,58%, Việt Nam chiếm 22,63%.

Nguồn: Tổng cục Hải quan Trung Quốc

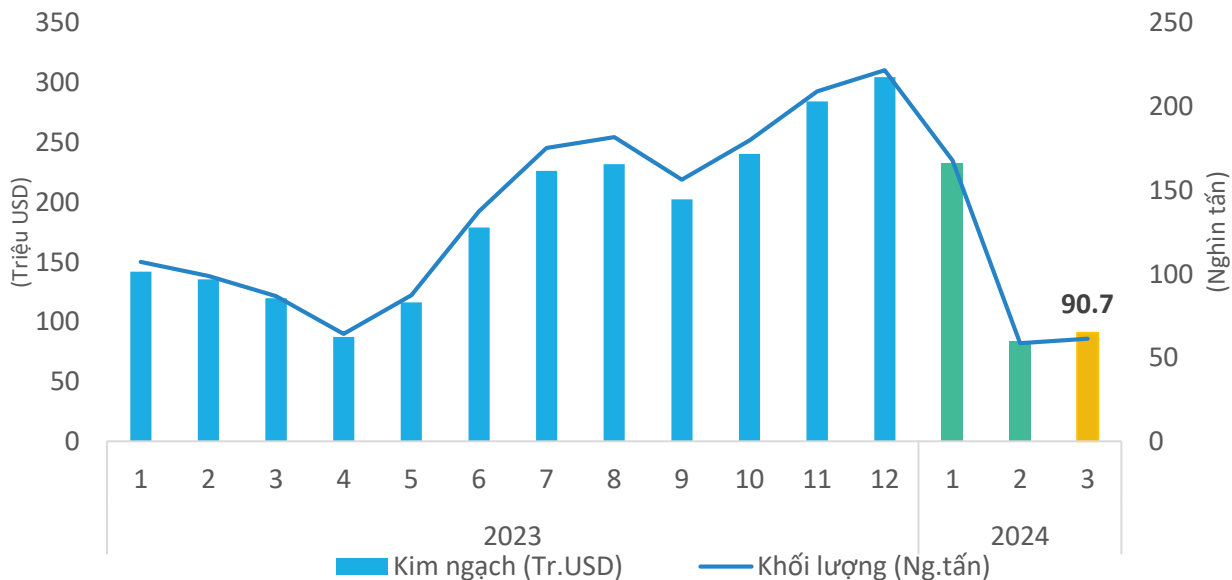


TIN LIÊN QUAN



CAO SU

Khối lượng và giá trị cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T3/2024

KIM NGẠCH

90,7 triệu USD

↗ Tăng **7,9%** so với T02/2024

↘ Giảm **24,3%** so với T3/2023

↓ Thấp hơn **98,5 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Lũy kế 03 tháng đầu năm 2024 đạt **407,8 tr.USD**, đạt **18%** kim ngạch năm 2023

KHỐI LƯỢNG

61,3 nghìn tấn

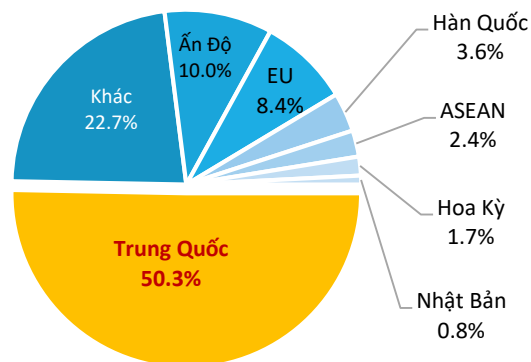
↗ Tăng **4,5%** so với T02/2024

↘ Giảm **29,3%** so với T3/2023

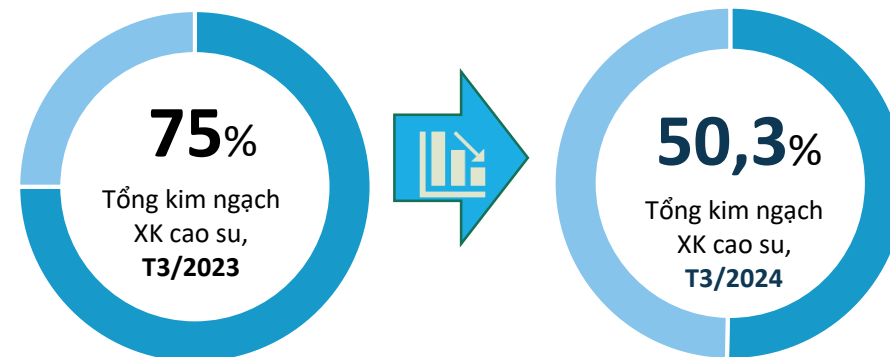
↓ Thấp hơn **81 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Lũy kế 03 tháng đầu năm 2024 đạt **287,8 nghìn tấn**, đạt **16,9%** khối lượng năm 2023

Tỷ trọng giá trị cao su Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



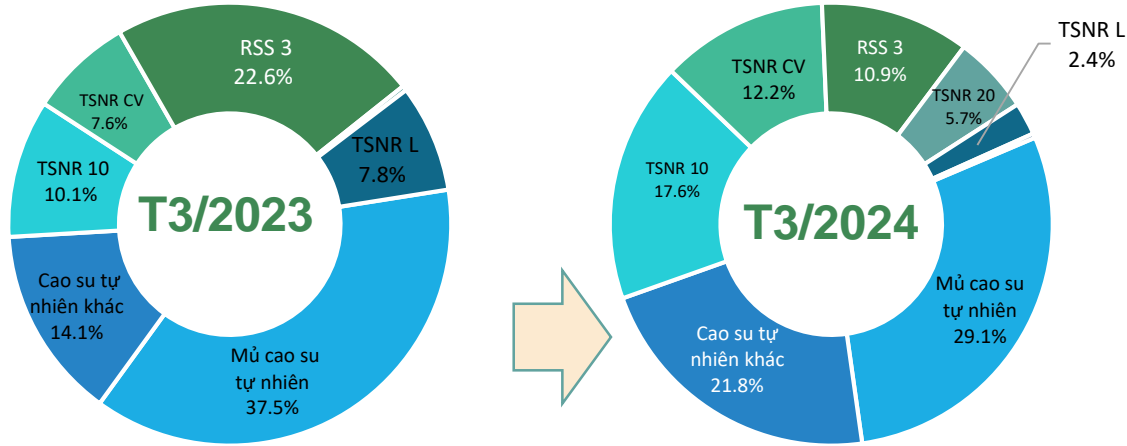
Biến động tỷ trọng giá trị cao su VN sang thị trường Trung Quốc, T3/2024





CAO SU

Cơ cấu chủng loại cao su xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



Kết quả xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



Mủ cao su tự nhiên

Kim ngạch: **26,45** triệu USD
Giảm **33,6%** so với T02/2024
Giảm **41,1%** so với T3/2023



RSS 3

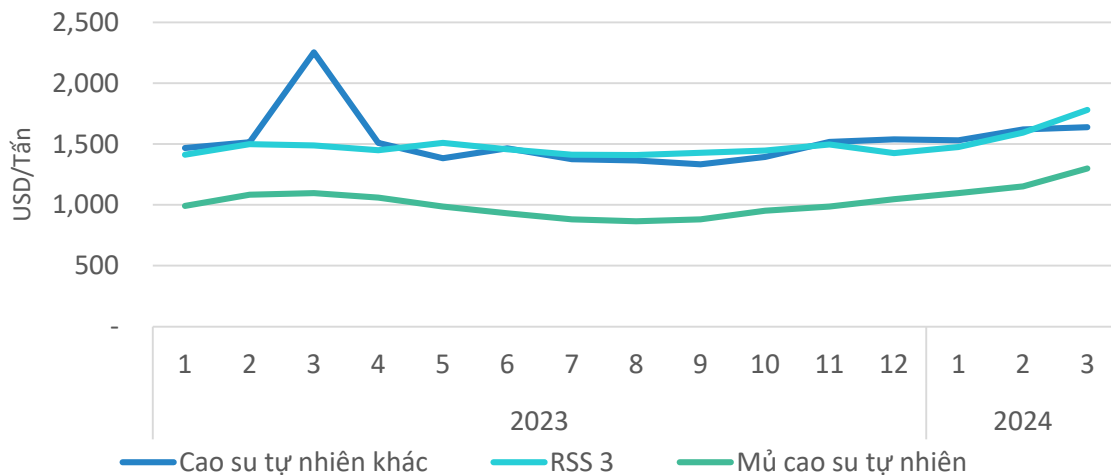
Kim ngạch: **9,9** triệu USD
Giảm **12,2%** so với T02/2024
Giảm **63,4%** so với T3/2023



Cao su tự nhiên khác

Kim ngạch: **19,8** triệu USD
Tăng **98,3%** so với T02/2024
Tăng **17,2%** so với T3/2023

Giá cao su xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



Mủ cao su tự nhiên

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2024 ở mức **1.298** USD/tấn; **tăng 12,6%** so với tháng trước; và **tăng 18,4%** so với cùng kỳ năm 2023.

RSS 3

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2024 ở mức **1.780** USD/tấn; **tăng 11,6%** so với tháng trước; và **tăng 19,5%** so với cùng kỳ năm 2023.

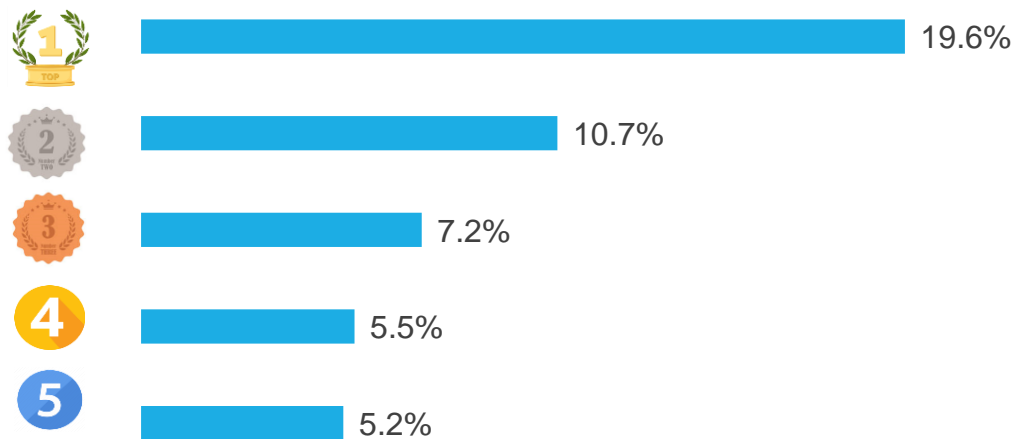
Cao su tự nhiên khác

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2024 ở mức **1.639** USD/tấn; **tăng 1,2%** so với tháng trước; và **giảm 27,3%** so với cùng kỳ năm 2023.

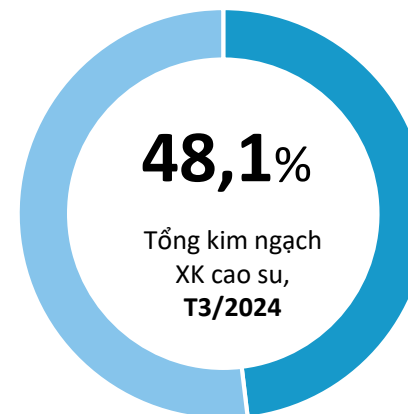


CAO SU

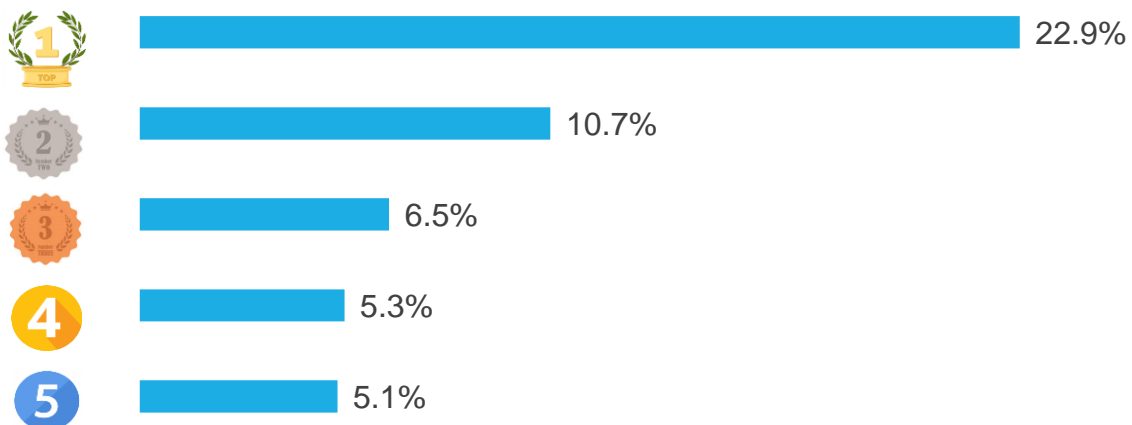
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



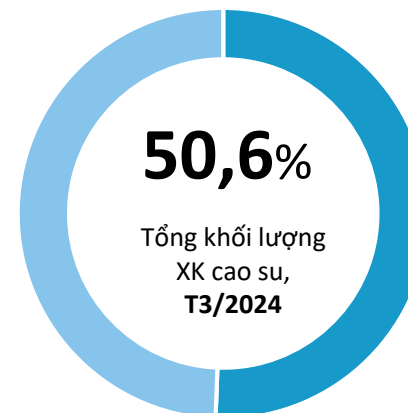
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2024





CAO SU

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG CAO SU TRUNG QUỐC

❖ Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, tháng 3/2024, Trung Quốc nhập khẩu 651 nghìn tấn cao su tự nhiên và tổng hợp (kể cả mũ cao su), với giá trị đạt 1,05 tỷ USD, giảm 11,8% về lượng và giảm 2,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2023.

Trong quý I/2024, Trung Quốc nhập khẩu 1,81 triệu tấn cao su tự nhiên và tổng hợp (kể cả mũ cao su), với giá trị đạt 2,82 tỷ USD, giảm 12,3% về lượng và giảm 6,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2023.

Nguồn: Tổng cục Hải quan Trung Quốc

❖ Tháng 3/2024, sản lượng lốp xe cao su ở Trung Quốc đạt 96,91 triệu chiếc, tăng 4% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong quý I/2024, sản lượng vỏ lốp cao su đạt 254,27 triệu chiếc, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Nguồn: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc

❖ Khối lượng xuất khẩu lốp cao su của Trung Quốc trong tháng 3/2024 đạt 770 nghìn tấn, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khối lượng xuất khẩu lốp ô tô đạt 669 nghìn tấn, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Quý I/2024, tổng khối lượng xuất khẩu lốp cao su của Trung Quốc đạt 2,11 triệu tấn, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khối lượng xuất khẩu lốp ô tô đạt 1,8 triệu tấn, tăng 5,1% so với năm 2023.

Nguồn: Tổng cục Hải quan Trung Quốc



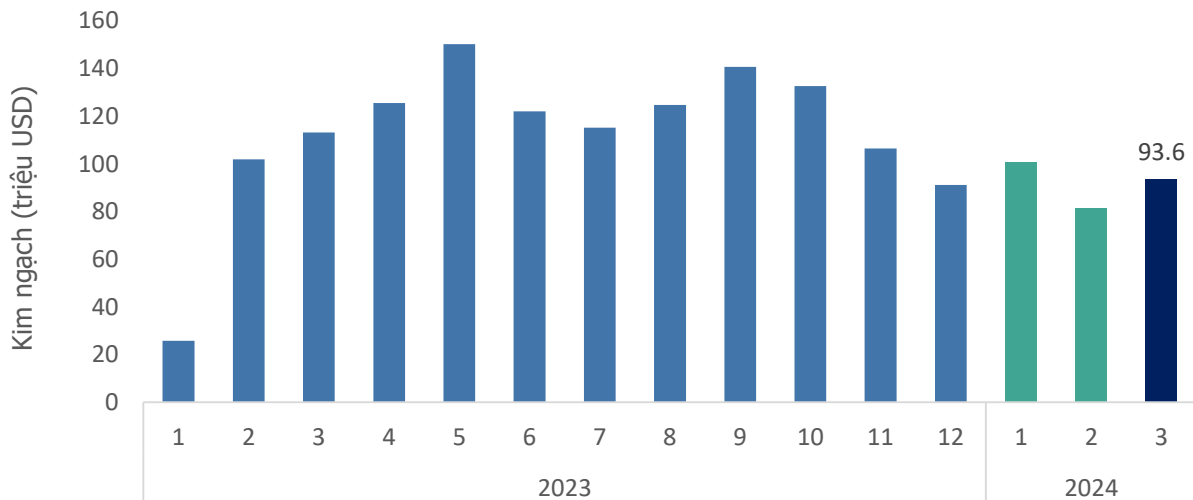
Tin liên quan





THỦY SẢN

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc T3/2024



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc T3/2024

KIM NGẠCH

93,6 triệu USD



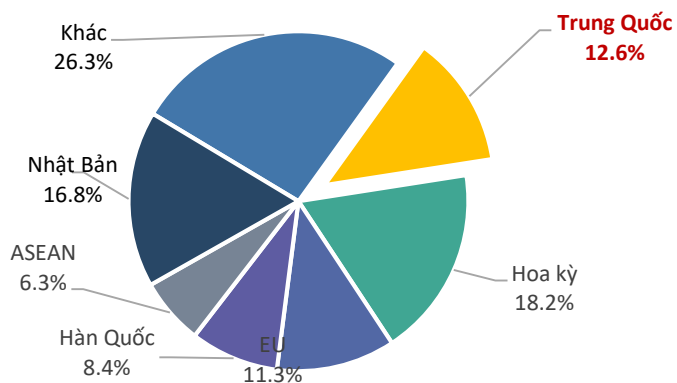
↗ Tăng **15,1%** so với T2/2024

↘ Giảm **17,3%** so với T3/2023

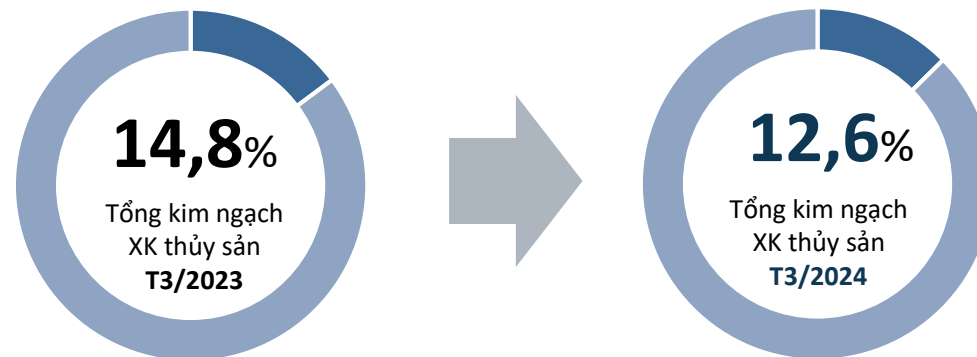
▼ Thấp hơn **18,9** triệu USD so với bình quân năm 2023

❖ Lũy kế 3 tháng 2024 đạt **275,7** triệu USD, Đạt **20,4%** kim ngạch 2023

Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Trung Quốc T3/2024



Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản sang thị trường Trung Quốc T3/2024

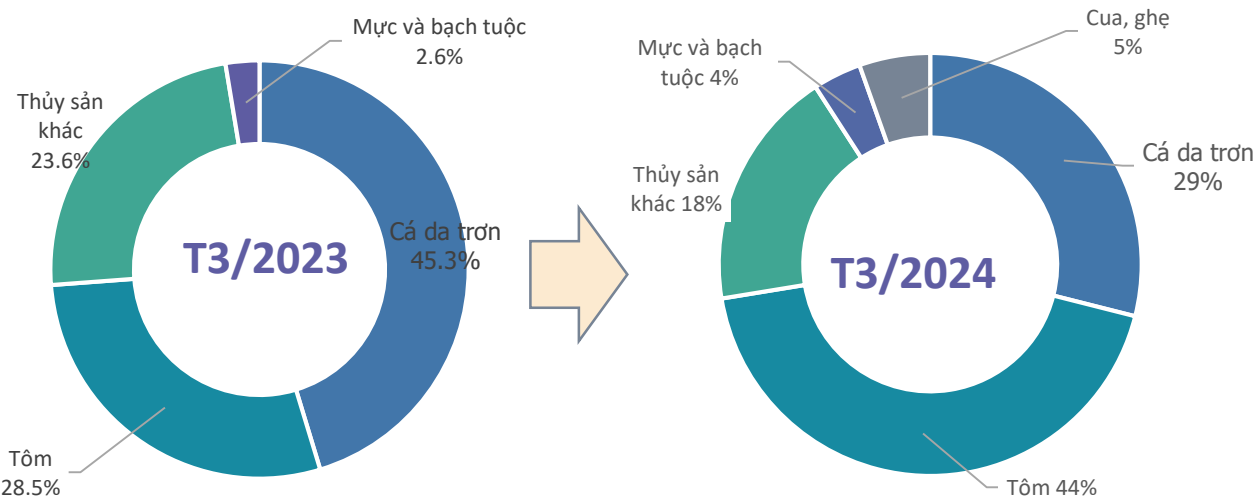




THỦY SẢN

Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc T3/2024

Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc T3/2024



Cá da trơn

Kim ngạch: **27,1** Triệu USD
 Tăng **55,1%** so với T2/2024
 Giảm **68,8%** so với T3/2023



Tôm

Kim ngạch: **40,7** Triệu USD
 Tăng **22,3%** so với T2/2024
 Tăng **26,1%** so với T3/2023



Mực và bạch tuộc

Kim ngạch: **3,5** Triệu USD
 Tăng **78,2%** so với T2/2024
 Tăng **17,2%** so với T3/2023

Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc T3/2024

Mực và Bạch tuộc

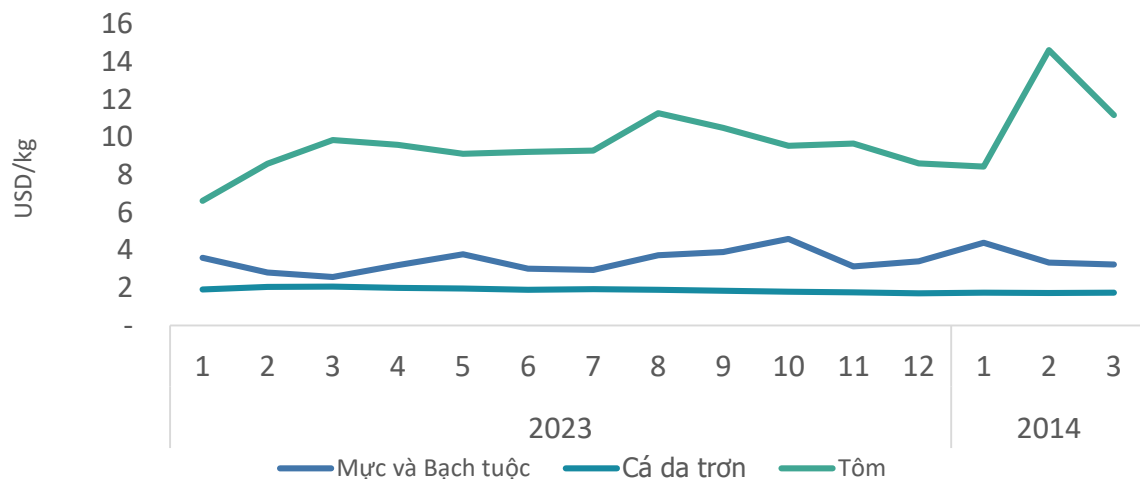
Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2024 ở mức **3,2** USD/kg; **giảm 3,2%** so với tháng trước; và **tăng 25,7%** so với cùng kỳ năm 2023.

Cá da trơn

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2024 ở mức **1,7** USD/kg; **tăng 1,0%** so với tháng trước; và **giảm 15,7%** so với cùng kỳ năm 2023.

Tôm

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2024 ở mức **11,2** USD/kg; **giảm 23,6%** so với tháng trước; và **tăng 13,4%** so với cùng kỳ năm 2023.



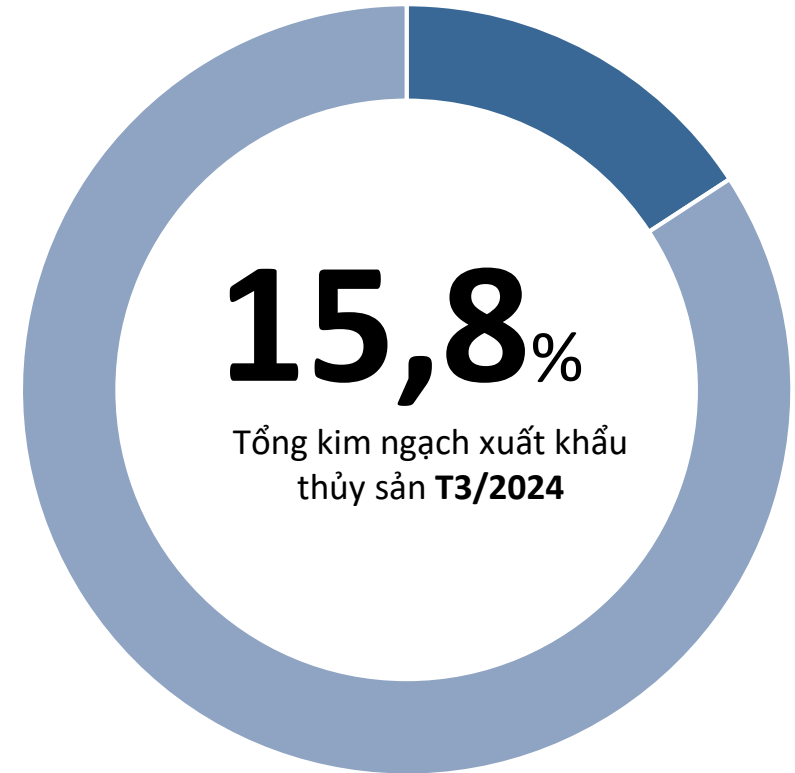
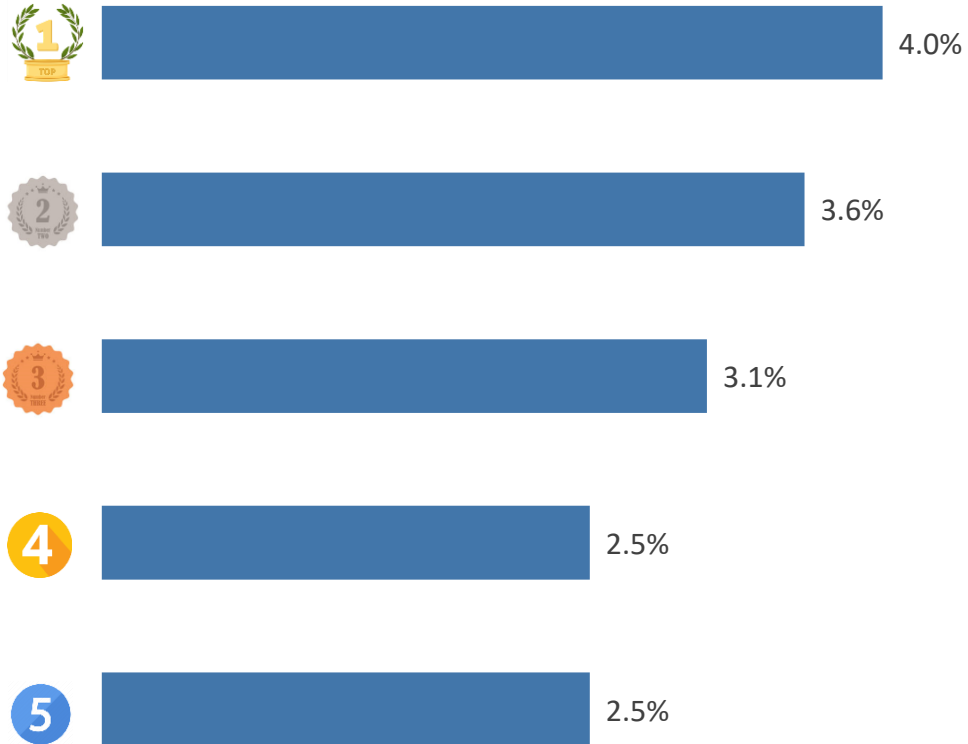
Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan



THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc T3/2024

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Trung Quốc T3/2024



Trung Quốc giảm thuế suất nhập khẩu tôm từ Ecuador.

Bộ Tài chính Trung Quốc cho biết, Trung Quốc sẽ loại bỏ thuế đối với tôm đông lạnh nhập khẩu từ Ecuador bắt đầu từ ngày 1/5/2024. Thuế suất đối với tôm Ecuador (mã HS 0306170) sẽ giảm xuống 0% khi Hiệp định thương mại tự do song phương (FTA) giữa hai nước có hiệu lực. Trước đó mã sản phẩm này đang được áp dụng mức thuế 2%. Theo Bộ tài chính, việc giảm thuế này nhằm mục đích "thúc đẩy tiềm năng hợp tác thương mại và đầu tư song phương giữa Trung Quốc và Ecuador".

Trong tháng 3 nhập khẩu tôm đông lạnh của Trung Quốc giảm 30,3% về lượng so với cùng kỳ năm trước, trong đó nhập khẩu từ Ecuador giảm tới 33,1%.

Nguồn: Vasep

Các quy định mới khi xuất khẩu thủy sản tươi sống sang Trung Quốc:

Theo Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển Thị trường (NAFIQPM), tính đến hết tháng 3/2024 Việt Nam đã xuất khẩu 1.517 lô hàng thủy sản tươi sống sang Trung Quốc, và hiện chưa có lô hàng nào bị cảnh báo về tồn dư hóa chất và kháng sinh.

Đối với thủy sản tươi sống, Trung Quốc đang yêu cầu quản lý theo chuỗi, từ khâu nuôi trồng khai thác, đến thu hoạch, thu gom, vận chuyển, đóng gói và xuất khẩu. Đặc biệt, Tổng cục Hải quan Trung Quốc đang đề nghị góp ý cho dự thảo nghị định thư đối với thủy sản tươi sống của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này. Theo đó, Trung Quốc đang yêu cầu phải có mã số vùng nuôi, phải được kiểm soát và có khả năng truy xuất nguồn gốc. Trung Quốc cũng yêu cầu các cơ sở đóng gói phải thực hiện đăng ký và nằm trong danh sách được phép xuất khẩu sang Trung Quốc mới được tham gia xuất khẩu thủy sản tươi sống sang thị trường này.

Nguồn: Vasep



Tin liên quan



LÚA GẠO

Khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T03/2024



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T03/2024

KIM NGẠCH

37,1 triệu USD

↗ Tăng **399,0%** so với T02/2024

↘ Giảm **66,0%** so với T03/2023

↘ Thấp hơn **7,2 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Lũy kế 3 tháng đạt **48,3** triệu USD, đạt **9,1%** kim ngạch 2023

KHỐI LƯỢNG

62,5 nghìn tấn

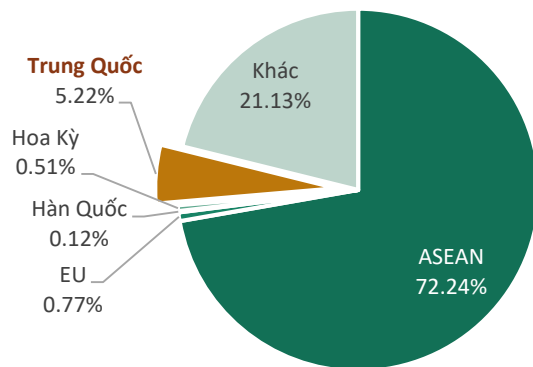
↗ Tăng **393,9%** so với T02/2024

↘ Giảm **66,7%** so với T03/2023

↘ Thấp hơn **14,1 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Lũy kế 3 tháng đạt **81,9** nghìn tấn, đạt **8,9%** lượng năm 2023

Tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T03/2024



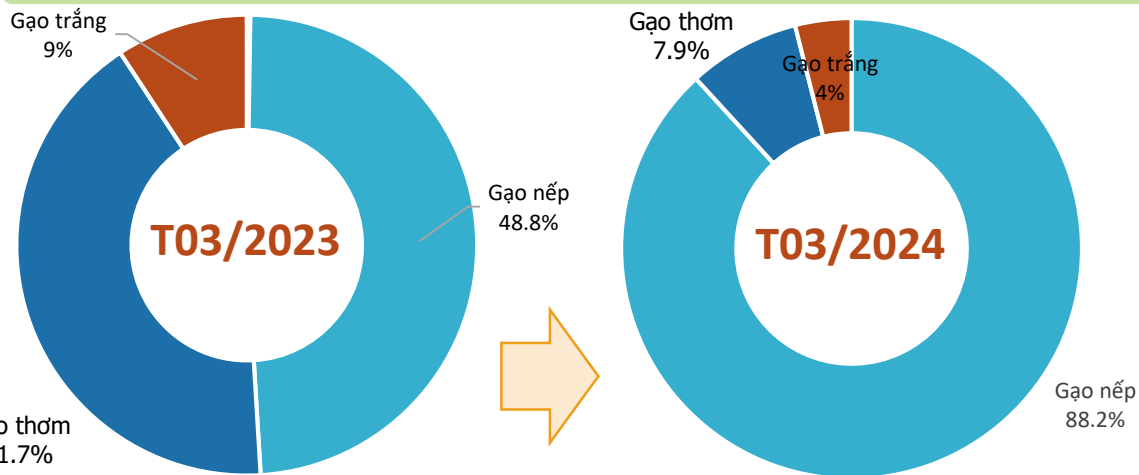
Biến động tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T03/2024



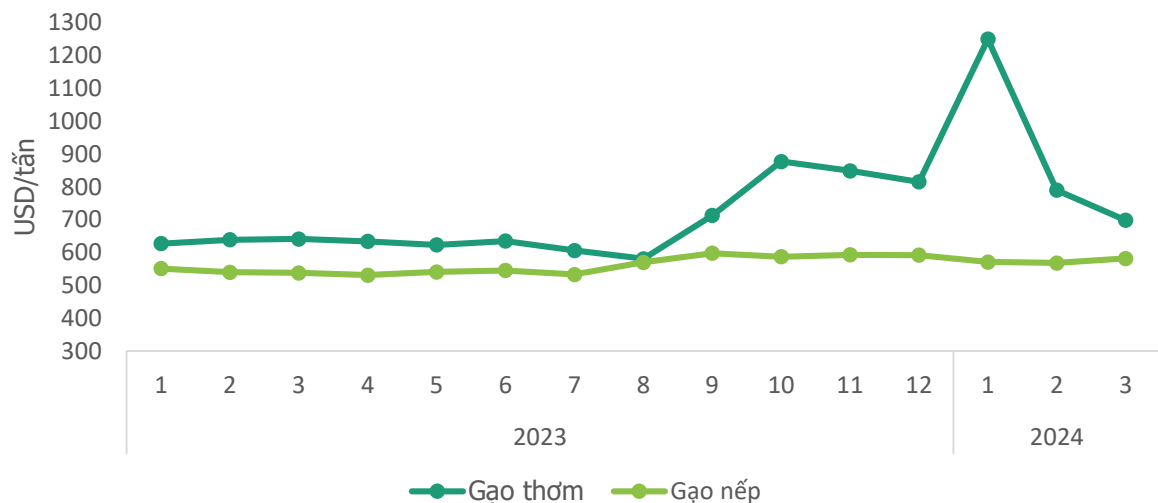


LÚA GẠO

Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T03/2024



Giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T03/2024



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T03/2024



Gạo nếp

Kim ngạch: **32,7** triệu USD
 Tăng **421%** so với T02/2024
 Giảm **39%** so với T03/2023

Gạo thơm

Kim ngạch: **2,9** triệu USD
 Tăng **1374%** so với T02/2024
 Giảm **94%** so với T03/2023

Gạo trắng

Kim ngạch: **1,5** triệu USD
 Tăng **56%** so với T02/2024
 Giảm **86%** so với T03/2023

Gạo nếp

Giá xuất khẩu bình quân trong T03/2024 ở mức **582** USD/tấn; **tăng 2%** so với tháng trước; và **tăng 8%** so với cùng kỳ năm 2023.

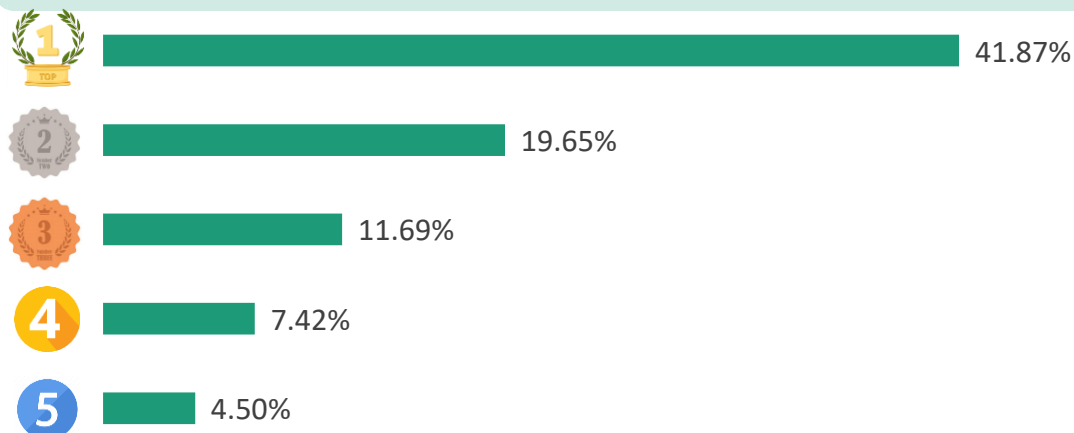
Gạo thơm

Giá xuất khẩu bình quân trong T03/2024 ở mức **698** USD/tấn; **giảm 12%** so với tháng trước; và **tăng 9%** so với cùng kỳ năm 2023.

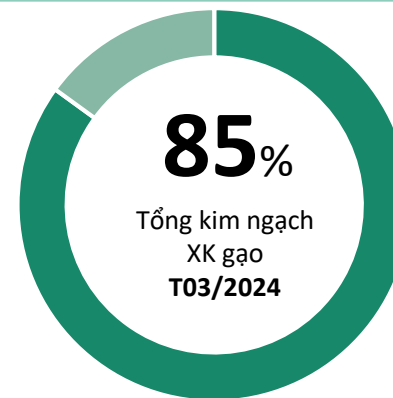


LÚA GẠO

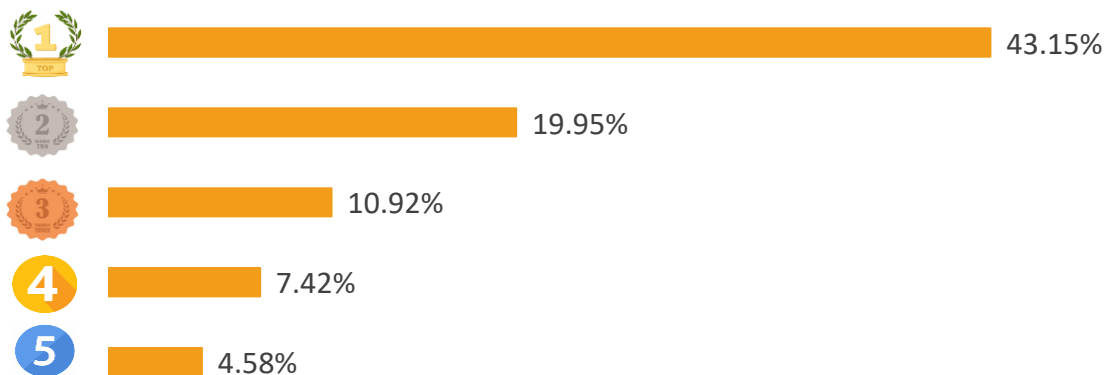
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T03/2024



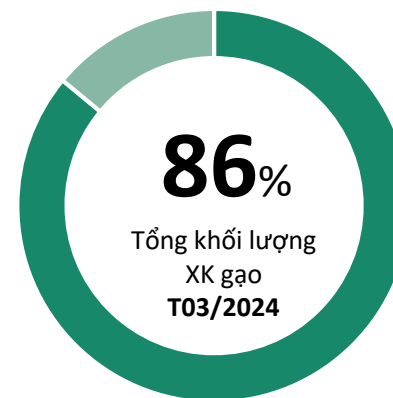
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T03/2024



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T03/2024



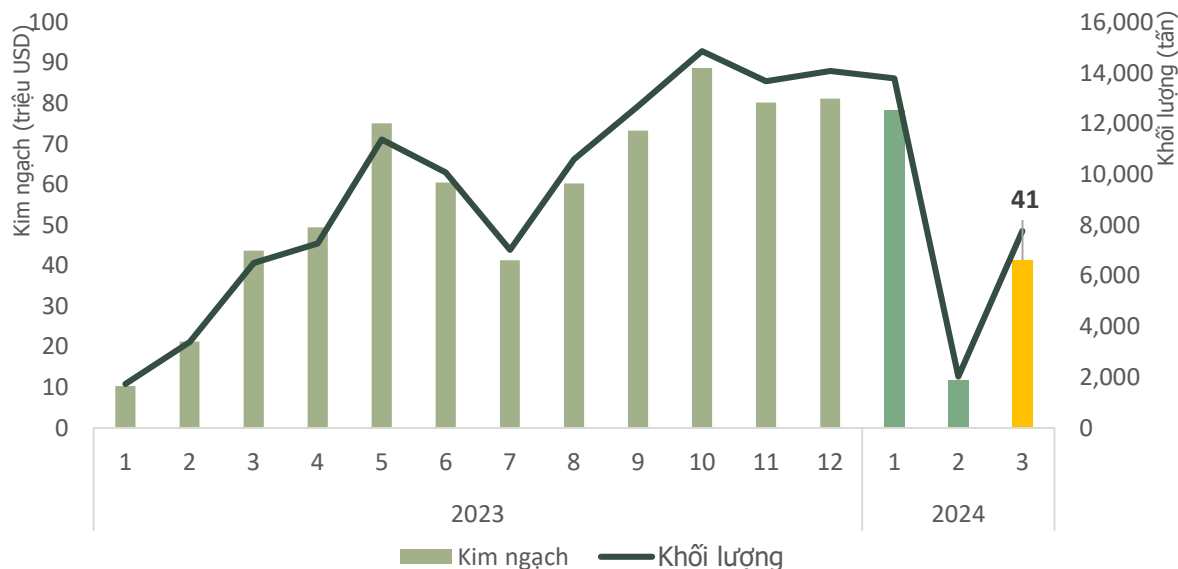
Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T03/2024





ĐIỀU

Khối lượng và giá trị điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc, T3/2024

KIM NGẠCH

57,1 triệu USD

↗ Tăng **256,2%** so với T02/2024

↘ Giảm **5,1%** so với T3/2023

↓ Thấp hơn **15,7 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Lũy kế 03 tháng đầu năm 2024 đạt **131 tr.USD**, đạt **19%** kim ngạch năm 2023

KHỐI LƯỢNG

2,02 nghìn tấn

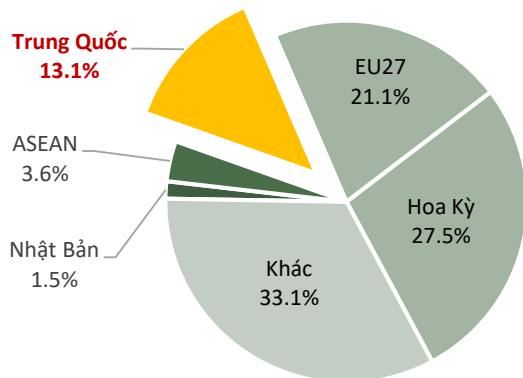
↗ Tăng **285,3%** so với T02/2024

↗ Tăng **19,4%** so với T3/2023

↓ Thấp hơn **1,7 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Lũy kế 03 tháng đầu năm 2024 đạt **23,6 nghìn tấn**, đạt **21%** khối lượng năm 2023

Tỷ trọng giá trị điều của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



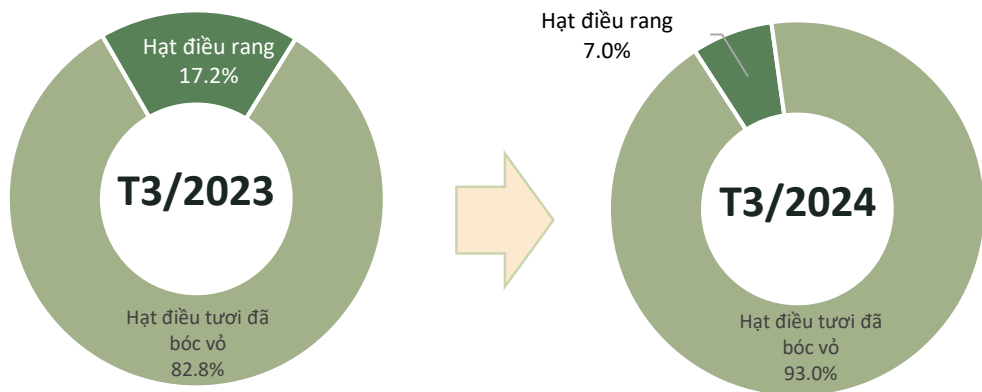
Biến động tỷ trọng giá trị điều của VN sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



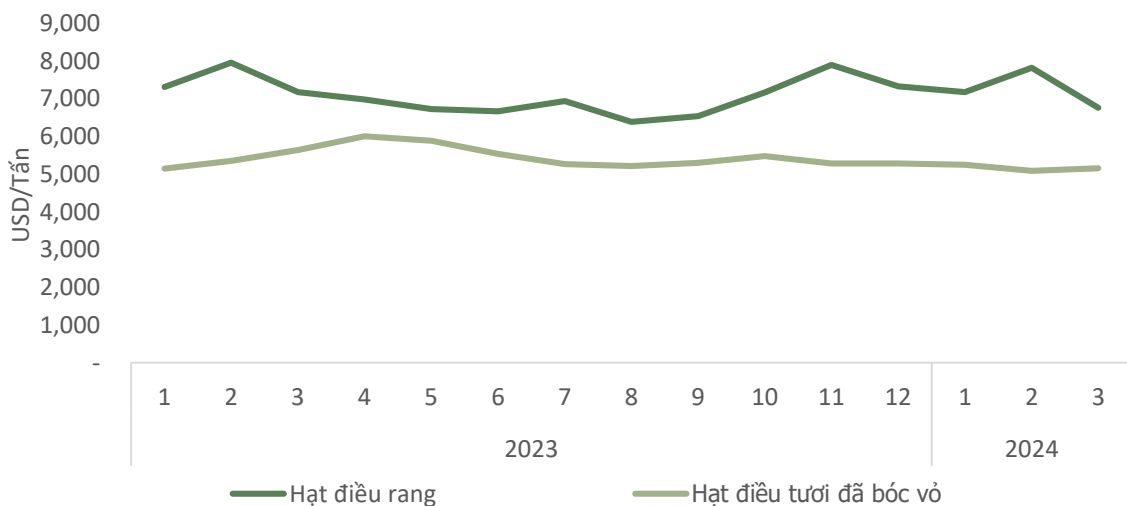


ĐIỀU

Cơ cấu chủng loại điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



Giá điều xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



Điều tươi đã bóc vỏ

Kim ngạch: **9,6** triệu USD

Tăng **300%** so với T02/2024

Tăng **49%** so với T3/2023



Điều rang

Kim ngạch: **2,9** triệu USD

Tăng **44,3%** so với T02/2024

Giảm **84%** so với T3/2023

Điều tươi đã bóc vỏ

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2024 ở mức **5.158** USD/tấn; **tăng 14%** so với tháng trước; và **giảm 8,5%** so với cùng kỳ năm 2023.

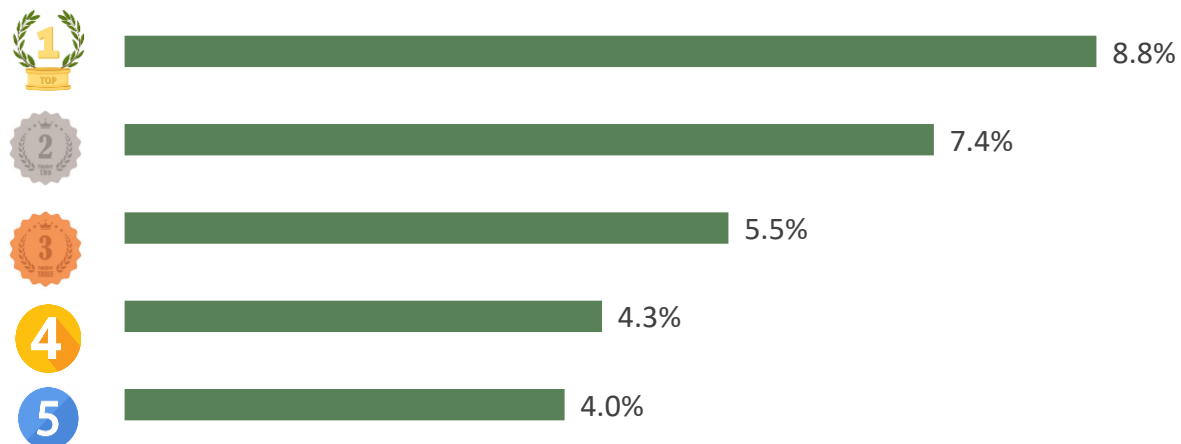
Điều rang

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2024 ở mức **6.758** USD/tấn; **giảm 13,6%** so với tháng trước; và **giảm 5,8%** so với cùng kỳ năm 2023.

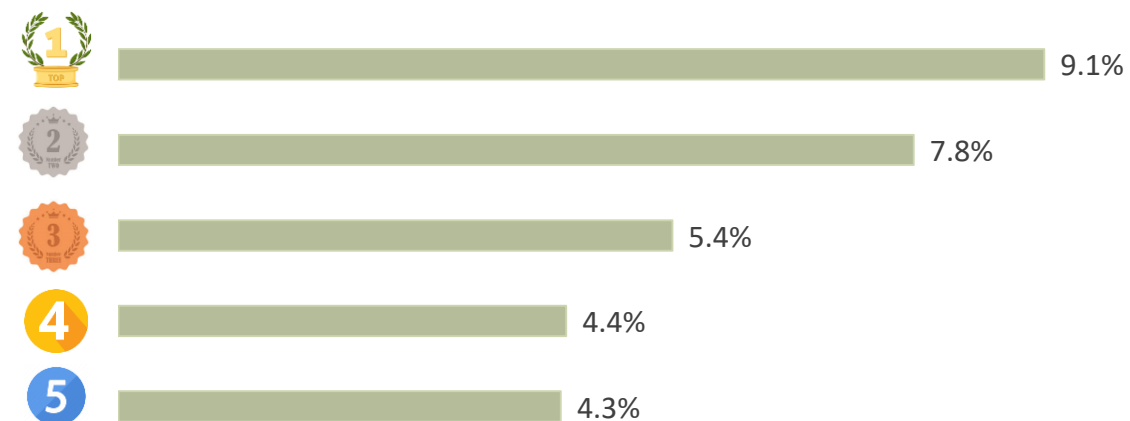


ĐIỀU

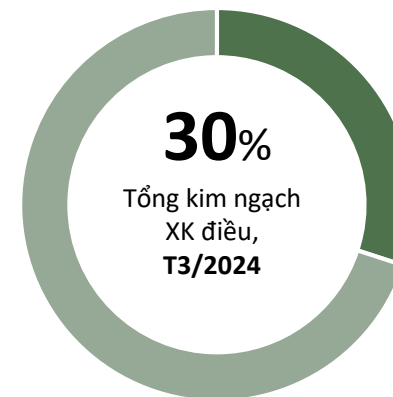
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



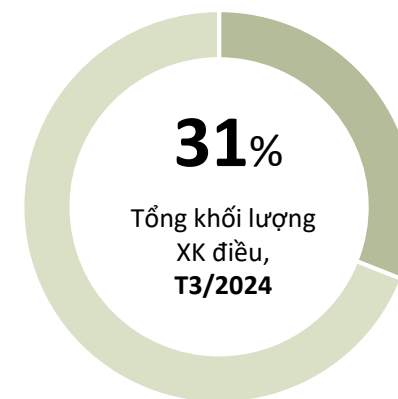
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2024





Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong 02 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu 8,41 nghìn tấn hạt điều, trị giá gần 42,16 triệu USD, tăng 9,7% về lượng và tăng 42% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Trung Quốc nhập khẩu hạt điều chủ yếu từ Việt Nam, khối lượng đạt 6,43 nghìn tấn, trị giá 36,78 triệu USD, tăng 65,1% về lượng và tăng 61,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần hạt điều của Việt Nam chiếm 76,53% tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc trong 2 tháng đầu năm 2024.

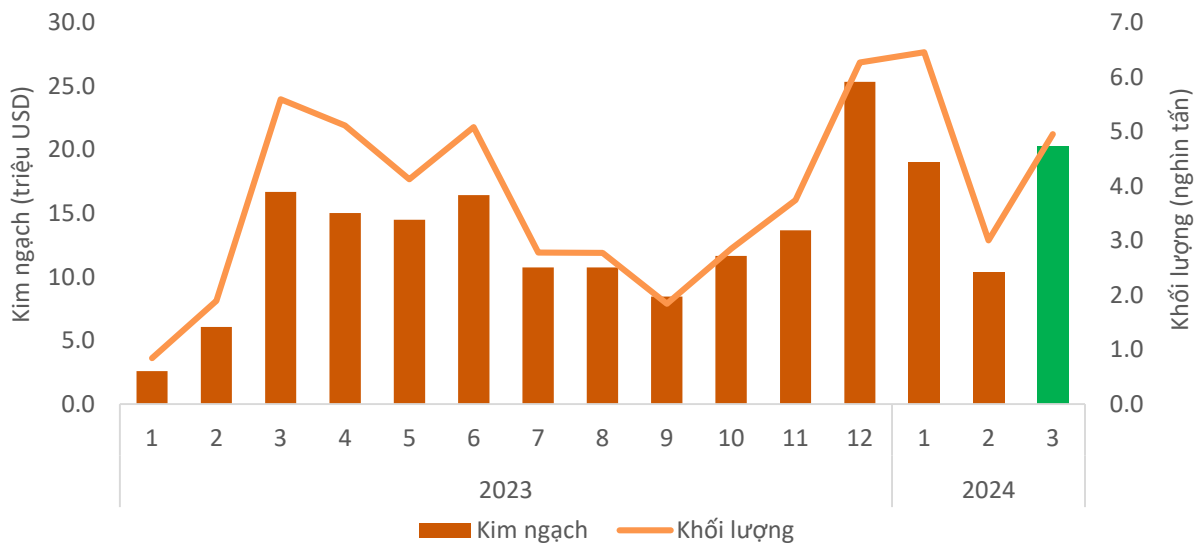
Nguồn: Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương (03/2024)





CÀ PHÊ

Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc, T3/2024

KIM NGẠCH

20,3 triệu USD

↗ Tăng **95,7%** so với T2/2024

↗ Tăng **21,5%** so với T3/2023

↗ Cao hơn **3,7** triệu USD so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Giá trị xuất khẩu 3 tháng năm 2024 đạt **49,3 tr.USD**, đạt **13,3%** kim ngạch 2023

KHỐI LƯỢNG

5 nghìn tấn

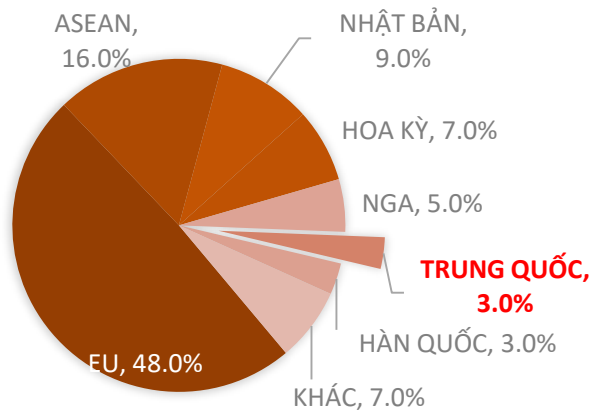
↗ Tăng **64,8%** so với T2/2024

↘ Giảm **11,4%** so với T3/2023

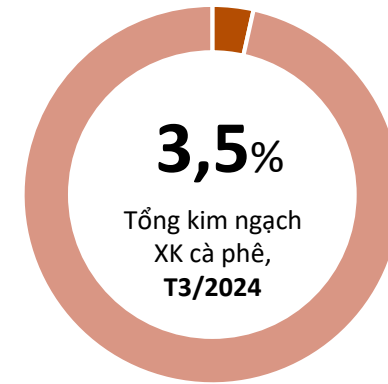
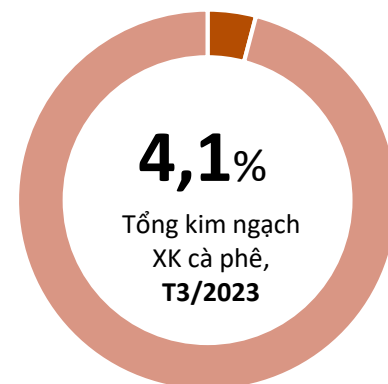
↗ Cao hơn **0,2** nghìn tấn so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Khối lượng xuất khẩu 3 tháng năm 2024 đạt **14,4** nghìn tấn, đạt **11,5%** khối lượng năm 2023

Tỷ trọng giá trị cà phê sang thị trường Trung Quốc, T3/2024

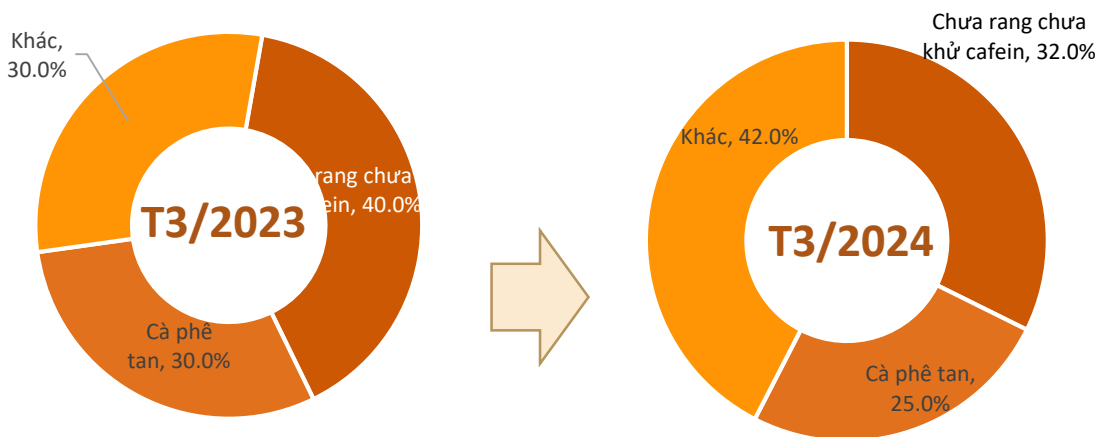


Biến động tỷ trọng giá trị cà phê sang thị trường Trung Quốc, T3/2024

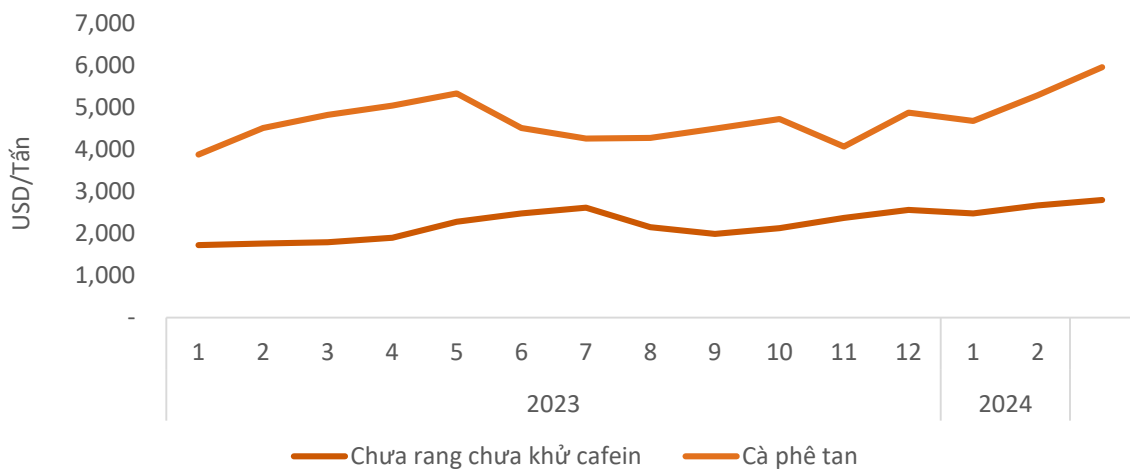


CÀ PHÊ

Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



Kết quả xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



Chưa rang chưa khử cafein

Kim ngạch: **6,6** Triệu USD
Tăng **31,2%** so với T2/2024
Giảm **1,4%** so với T3/2023



Cà phê tan

Kim ngạch: **5,2** Triệu USD
Tăng **97,1%** so với T2/2024
Tăng **2,9%** so với T3/2023



Cà phê khác

Kim ngạch: **7,7** Triệu USD
Tăng **863%** so với T2/2024
Tăng **68,3%** so với T3/2023

Cà phê tan

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2024 ở mức **5.947** USD/tấn; tăng **12,7%** so với tháng trước; và tăng **23,4%** so với cùng kỳ năm 2023.

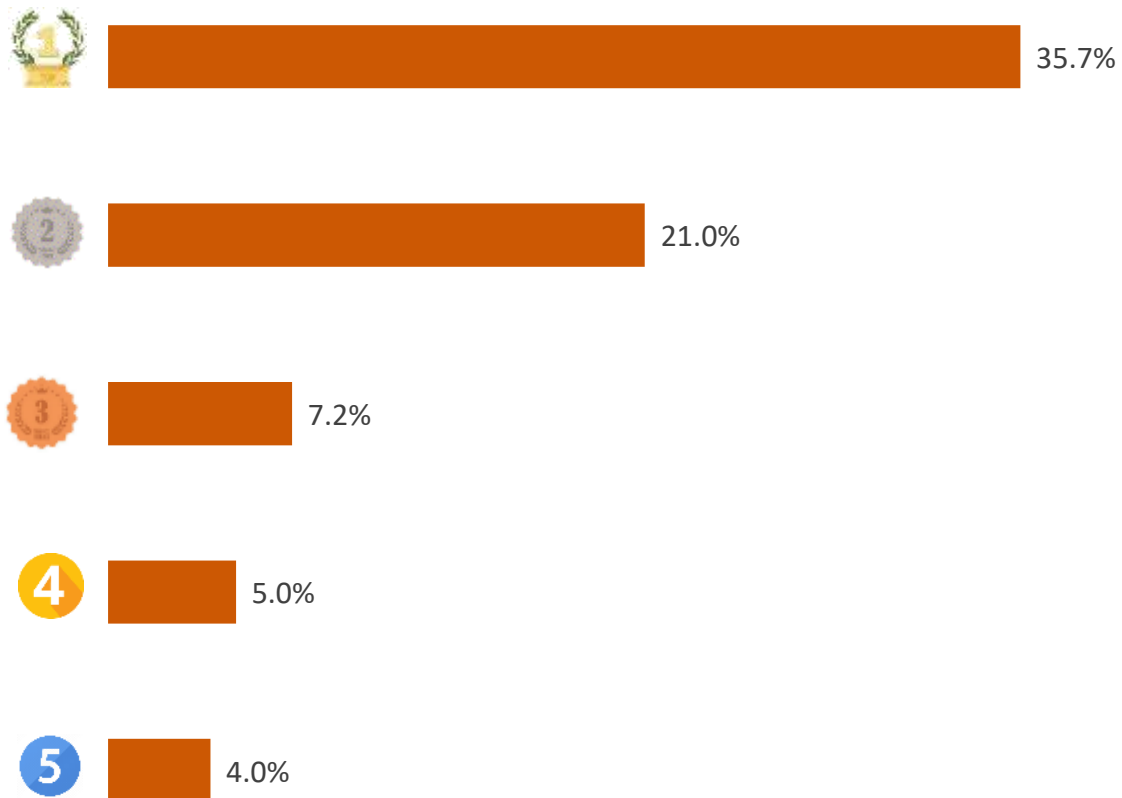
Cà phê chưa rang chưa khử cafein

Giá xuất khẩu bình quân trong T3/2024 ở mức **2.795** USD/tấn; tăng **4,8%** so với tháng trước; và tăng **56%** so với cùng kỳ năm 2023.

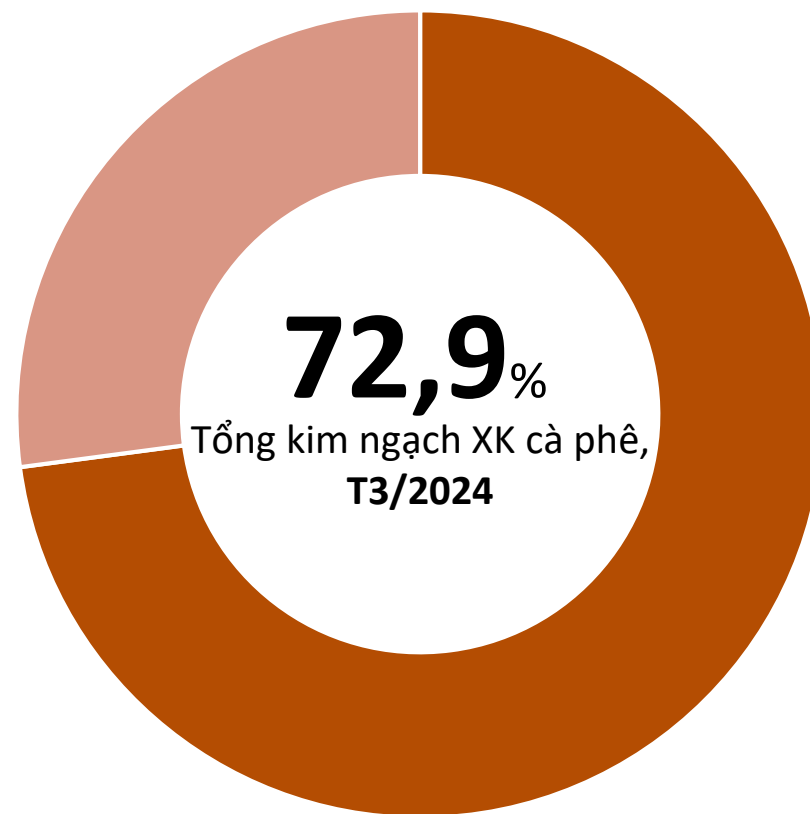


CÀ PHÊ

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc, T3/2024



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê sang thị trường Trung Quốc, T3/2024





Theo phân tích dựa trên dữ liệu Dịch vụ thực phẩm thương mại CREST của Circana, Trung Quốc hiện đang là quốc gia dẫn đầu trong tiêu thụ cà phê lạnh với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 20%/năm trong giai đoạn 2019-2023. Cà phê lạnh chiếm 33% tổng sản lượng tiêu thụ cà phê của quốc gia này.

Nguồn: Circana.com

Công ty kinh doanh cà phê xanh Sucafina (Thụy Sĩ) đã ký thỏa thuận với chính quyền thành phố Côn Sơn của Trung Quốc để mở kho ngoại quan khổng lồ tại đây. Đây là một nhà kho hiện đại có công suất hơn 10.000 tấn với nhiều thiết bị hiện đại có thể kiểm soát được nhiệt độ, độ ẩm để lưu trữ cà phê tối ưu. Khách hàng ở khu vực châu Á sẽ được hưởng nhiều lợi ích như thời gian giao nhận hàng nhanh hơn, chất lượng sản phẩm được kiểm soát tốt hơn.

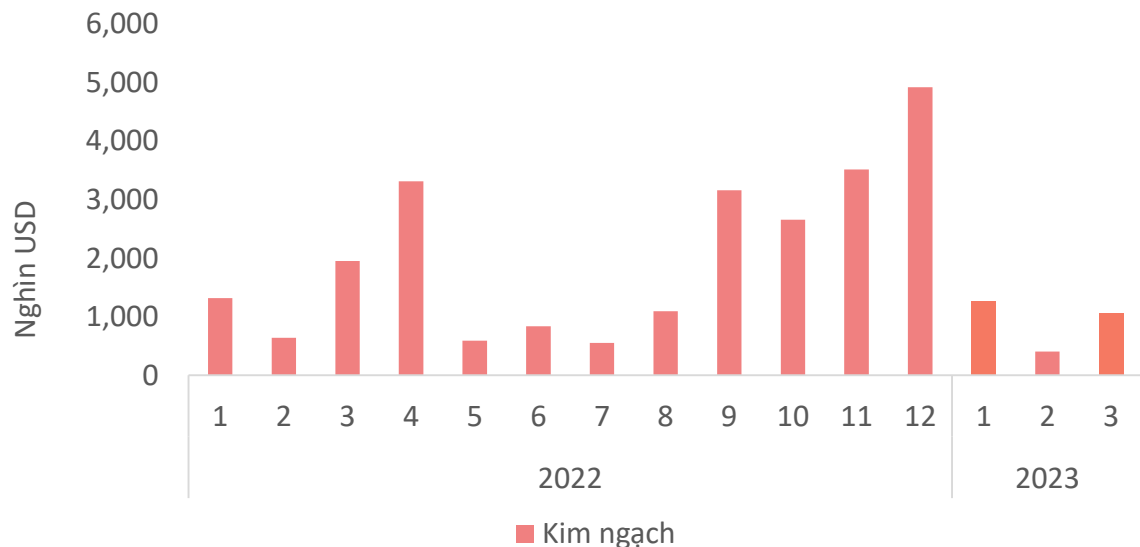
Nguồn: Sucafina





THỊT VÀ SP TỪ THỊT (XK)

Giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Trung Quốc T3/2024



Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Trung Quốc T3/2024

KIM NGẠCH



1,1
triệu USD

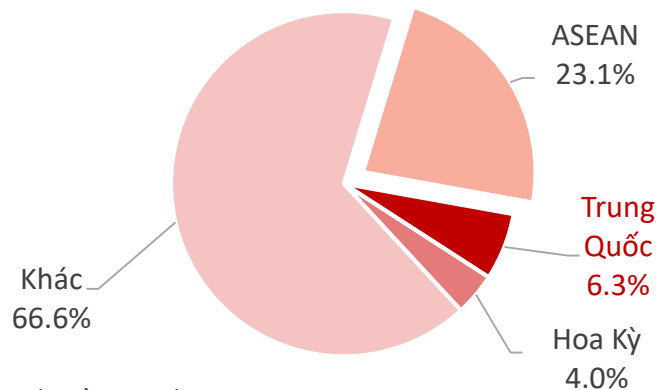
↗ Tăng **163%** so với T2/2024

↘ Giảm **45%** so với T3/2023

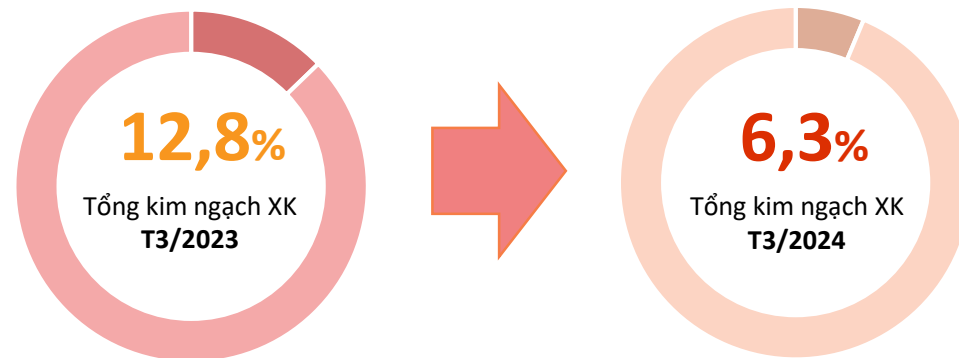
↘ Thấp hơn **0,98 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

◇ Lũy kế 3 tháng đạt **2,7 triệu USD**, đạt **11,1%** kim ngạch 2023

Tỷ trọng giá trị thịt và SP từ thịt của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc T3/2024



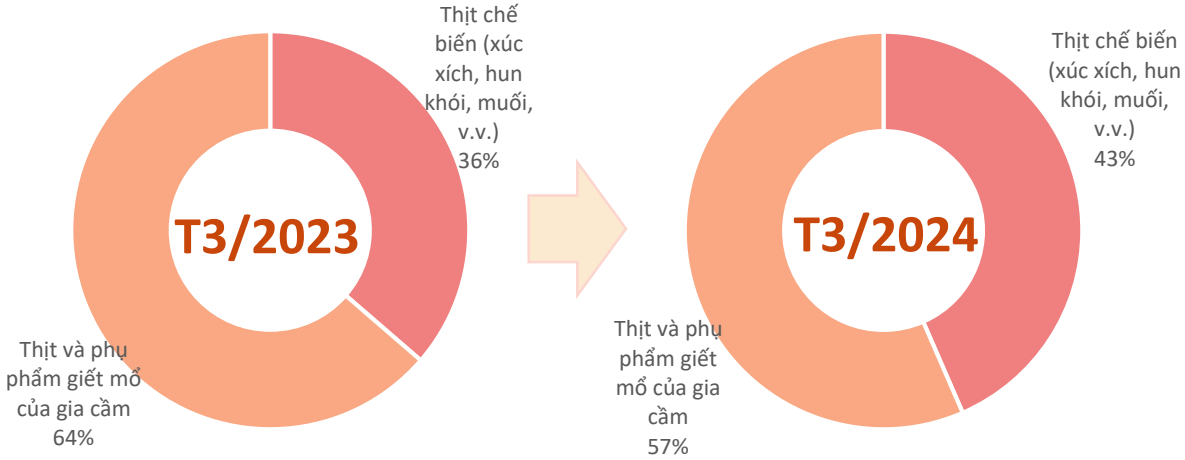
Biến động tỷ trọng giá trị xuất khẩu thịt và SP từ thịt của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc T3/2024





THỊT VÀ SP TỪ THỊT

Cơ cấu chủng loại thịt và SP từ thịt XK sang thị trường Trung Quốc T3/2024



Kết quả xuất khẩu thịt và SP từ thịt sang thị trường Trung Quốc T3/2024



Thịt và phụ phẩm giết mổ của gia cầm

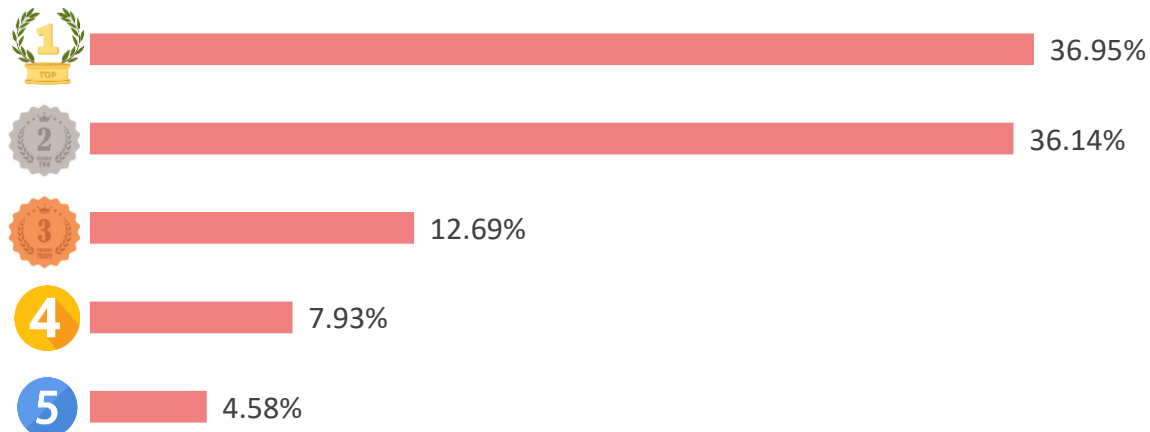
Kim ngạch: **229** nghìn USD
 Giảm **74%** so với T2/2024
 Giảm **34%** so với T3/2023



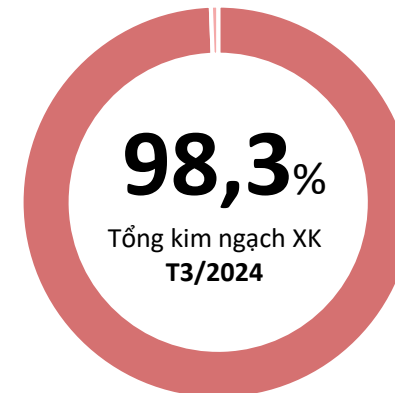
Thịt chế biến

Kim ngạch: **176** nghìn USD
 Giảm **53%** so với T2/2024
 Giảm **41%** so với T3/2023

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu thịt và SP từ thịt lớn nhất sang thị trường Trung Quốc T3/2024



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc T3/2024





THỊT VÀ SP TỪ THỊT

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG THỊT VÀ SP TỪ THỊT TRUNG QUỐC

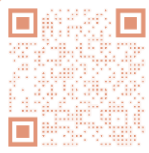
Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp Mỹ, sản lượng thịt heo của Trung Quốc trong năm 2024 dự kiến đạt khoảng 56 triệu tấn, thấp hơn mức của năm 2023 nhưng cao hơn khoảng 50% so với mức 36 triệu tấn được sản xuất vào năm 2020. Fitch Ratings dự báo tình trạng dư thừa nguồn cung thịt heo ở Trung Quốc có thể kéo dài sang quý II/2024.

Nguồn: Thesaigontimes.vn

2 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu 1,1 triệu tấn thịt (bao gồm cả nội tạng), với trị giá 3,99 tỷ USD, giảm 15,2% về lượng và giảm 19,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023, chủ yếu nhập khẩu từ Bra-xin, Ác-hen-ti-na, Hoa Kỳ, Tây Ban Nha, Niu Di-Lân, Úc....

Cũng trong 2 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu 528,15 nghìn tấn thịt trâu, bò (HS 0201, 0202), với trị giá 2,51 tỷ USD, tăng 24,9% về lượng và tăng 10,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023, chủ yếu nhập khẩu từ Bra-xin, Ác-hen-ti-na, U-ru-goay, Úc, Niu Di-Lân... Trong đó, Bra-xin là thị trường lớn nhất cung cấp thịt trâu, bò cho Trung Quốc trong 2 tháng đầu năm 2024, chiếm 44,29% trong tổng trị giá nhập khẩu thịt trâu, bò của Trung Quốc, đạt 233,9 nghìn tấn, trị giá 1,08 tỷ USD, tăng 19% về lượng và tăng 4,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Nguồn: Tienvietthai.com.vn



Tin liên quan

Ipsard

AGRO@INFO

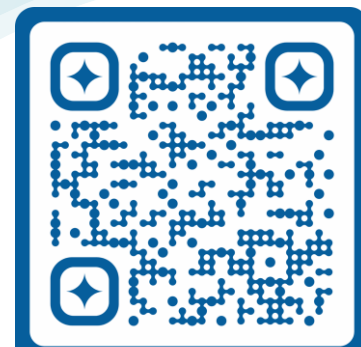
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN
VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, Hà Nội*

Email: thongtinthitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo